



BẢN TIN

# TƯ PHÁP

## Quảng Trị

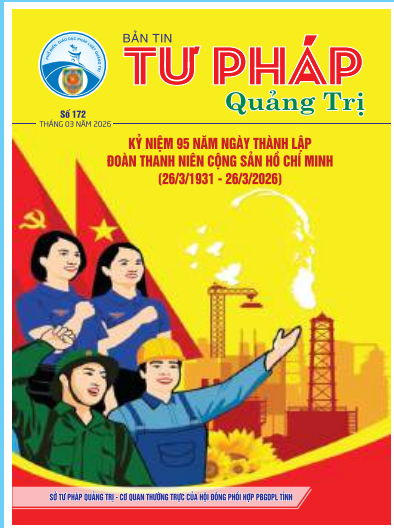
Số 172

THÁNG 03 NĂM 2026

**KỶ NIỆM 95 NĂM NGÀY THÀNH LẬP  
ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH  
(26/3/1931 - 26/3/2026)**



**SỞ TƯ PHÁP QUẢNG TRỊ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CỦA HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PBGDPL TỈNH**



## BẢN TIN Tư pháp Quảng Trị

SỐ 172 THÁNG 03 NĂM 2026

### Chịu trách nhiệm xuất bản:

TRẦN CHÍ TIẾN  
TUV, Giám đốc Sở Tư pháp  
Phó Chủ tịch thường trực  
Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh

### Trưởng Ban Biên tập:

TRƯƠNG QUANG SÁNG  
Phó Giám đốc Sở Tư pháp

### Thư ký:

VÕ THỊ THU HƯƠNG

### Thiết kế bản in:

MAI TRÚC - BÍCH THỦY



SỞ TƯ PHÁP TỈNH QUẢNG TRỊ  
183 đường Hữu Nghị - P. Đồng Hới - T.Quảng Trị  
Email: bantintuphap@yahoo.com.vn  
website: stp.quangtri.gov.vn

## MỤC LỤC

	Trang
• Thành lập hội đồng phối hợp, phổ biến giáo dục pháp luật ở cấp xã là yêu cầu hết sức quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả công tác PBGDPL trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	TRƯƠNG QUANG SÁNG 3
• Trọn niềm tin, vững ý chí trên hành trình mới	NGUYỄN VĂN GIANG 7
• Một số điểm mới của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2025	CAO THỊ HÀ 10
• Cách thức xác định vi phạm hành chính và một số bất cập trong thực tiễn áp dụng đối với việc quy định thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính	NGỌC DUYÊN 13
• Những quy định cơ bản về bảo vệ thông tin cá nhân trên không gian mạng	TRẦN TIẾN HẢI 16
• Ngành Tư pháp Quảng Trị tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính	HỒNG LUYẾN 18
• Nhận diện và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp trong tình hình mới	ĐOÀN THỊ PHƯỢNG 21
• Bàn về một số quy định về thủ tục công chứng di chúc cho người không biết chữ, người đọc chậm, viết chậm	TUYẾT HÀ 23
• Thẩm quyền mới của viện kiểm sát nhân dân trong khởi kiện vụ án dân sự bảo vệ lợi ích công nhóm để bị tổn thương	TRẦN THỊ THU HIỀN 25
• Mùa xuân tuổi trẻ từ bản làng La Lay	THÙY TRANG 26
• Nghị định số 350/2025/NĐ-CP: Tạo động lực mới cho dòng chảy văn học	QUỲNH NHƯ 29
• Xác định quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản	HOÀNG NAM 32
• Giải đáp pháp luật	TRUNG TÂM TGPLNN SỐ 1 34
• Chuyên mục tiêu điểm chính sách	PHÒNG PBGDPL&TDTHPL 36
• Giới thiệu văn bản	PHÒNG PBGDPL&TDTHPL 40
• Mừng cuộc bầu cử thành công	LÊ HUẤN 46
• Xây dựng đất nước ngày càng đẹp hơn	LÊ HUẤN 46
• Tiến con nhập ngũ	HỒ NGỌC DIỆP 46
• Tin hoạt động	KIẾU ĐÔNG - THU THỦY 47
• Chuyện vui	PHÒNG PBGDPL&TDTHPL 50

- In 2.130 cuốn, khổ 19x27cm, tại Công ty CP In Quảng Bình
- Giấy phép xuất bản số 52/GP-SVHTTDL ngày 17/11/2025 của Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Trị
- In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2026.

# THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP, PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT Ở CẤP XÃ LÀ YÊU CẦU HẾT SỨC QUAN TRỌNG NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PBGDPL TRONG BỐI CẢNH THỰC HIỆN MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

■ Luật gia: TRƯƠNG QUANG SÁNG

**T**rong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong việc tăng cường quản lý xã hội bằng pháp luật và có ý nghĩa chiến lược lâu dài. Chính vì vậy, Nghị quyết 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã xác định: “Tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội. Đa dạng hóa phương thức truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật...”. Từ thực tiễn thi hành pháp luật cho thấy: phổ biến, giáo dục pháp luật không chỉ giúp nâng cao nhận thức pháp luật cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân mà còn góp phần hình thành ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật trong xã hội. Thông qua hoạt động này, pháp luật được đưa vào đời sống, trở thành công cụ hữu hiệu để quản lý xã hội, bảo đảm kỷ cương, trật tự và thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước. Để triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ này thì việc thành lập Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật ở các cấp có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Qua hơn 13 năm triển khai thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật thì việc thành lập Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật đã được Luật hóa, theo đó: Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật được thành lập ở trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, là cơ quan tư vấn cho Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và huy động nguồn lực cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ là Bộ Tư pháp, của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là Sở Tư pháp, của Ủy ban nhân dân cấp huyện là Phòng Tư pháp... (Điều 7 Luật PBGDPL).

Để tiếp tục cụ thể hóa nội dung này, ngày 04/8/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 26/2025/QĐ-TTg quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật (Hội đồng PHPBGDPL) theo đó việc thành lập Hội đồng PHPBGDPL cấp tỉnh và cấp xã được quy định như sau: Đối với cấp tỉnh: “Căn cứ thành phần Hội đồng Trung ương và yêu cầu thực tiễn của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành phần, số lượng thành viên Hội đồng cấp tỉnh, trong đó có đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cùng cấp làm



*Hội nghị triển khai công tác Tư pháp và nhiệm vụ của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Quảng Trị năm 2026*

Chủ tịch Hội đồng”. Đối cấp xã: “Trong trường hợp cần thiết, căn cứ thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh quyết định việc thành lập, thành phần, số lượng thành viên, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng cùng cấp bảo đảm hiệu quả, phù hợp với yêu cầu triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn”. Như vậy, theo quy định trên thì việc thành lập Hội đồng PHPBGDPL ở cấp tỉnh là bắt buộc còn đối với cấp xã thì được thành lập trong trường hợp Chủ tịch UBND cấp xã thấy cần thiết.

Hiện nay, trong bối cảnh Đảng và Nhà nước đang đẩy mạnh cải cách tổ chức bộ máy hành chính theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; việc xây dựng và triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với công tác quản lý nhà nước ở cơ sở. Khi chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cấp xã ngày càng được tăng cường và mở rộng, vai trò của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại địa phương càng trở nên quan trọng. Chính vì vậy, việc thành lập Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật ở cấp xã là yêu cầu cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả công tác

tuyên truyền pháp luật, góp phần xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh, phục vụ tốt hơn nhu cầu của Nhân dân.

Để thống nhất chủ trương và có cơ sở trình HĐPHPBGDPL tỉnh văn bản chỉ đạo việc thành lập Hội đồng PHPBGDPL ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, Sở Tư pháp (cơ quan thường trực của Hội đồng PHPBGDPL tỉnh) đã tiến hành khảo sát, lấy ý kiến của UBND các xã, phường, đặc khu (cấp xã) về chủ trương thành lập Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp xã. Kết quả nhận được có 77/78 UBND cấp xã trả lời phiếu khảo sát, trong đó có

77/77 UBND cấp xã có ý kiến “cần thiết thành lập Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp xã” (đạt 100%); 01/78 đơn vị cấp xã đã chủ động thành lập Hội đồng PHPBGDPL tại đơn vị mình.

Qua kết quả khảo sát nói trên chúng ta thấy rằng: *trước hết*, việc thành lập Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật ở cấp xã là yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong điều kiện thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Trong mô hình này, cấp xã trở thành cấp chính quyền gần dân nhất, trực tiếp giải quyết nhiều vấn đề phát sinh trong đời sống hằng ngày của người dân như quản lý đất đai, hộ tịch, trật tự an toàn xã hội, hòa giải ở cơ sở, giải quyết các thủ tục hành chính... Những lĩnh vực này đều gắn chặt với quy định của pháp luật và đòi hỏi người dân phải hiểu biết nhất định về các quy định pháp luật liên quan. Nếu công tác phổ biến, giáo dục pháp luật không được thực hiện thường xuyên và hiệu quả thì sẽ dẫn đến tình trạng người dân thiếu thông tin pháp luật, dễ phát sinh vi phạm hoặc tranh chấp, gây khó khăn cho công tác quản lý của chính quyền địa phương.

Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật ở cấp xã sẽ đóng vai trò là cơ quan tham

muu giúp cấp ủy, chính quyền địa phương tổ chức, điều phối và triển khai các hoạt động tuyên truyền pháp luật một cách đồng bộ và có hệ thống. Thông qua Hội đồng, các kế hoạch phổ biến pháp luật được xây dựng phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương, bảo đảm nội dung tuyên truyền sát thực tế, thiết thực và hiệu quả.

*Thứ hai*, việc thành lập Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật ở cấp xã góp phần nâng cao nhận thức pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật của Nhân dân. Pháp luật chỉ thực sự phát huy hiệu lực khi được nhân dân hiểu rõ và tự giác thực hiện. Trong điều kiện hiện nay, cùng với sự phát triển nhanh chóng của đời sống kinh tế – xã hội, nhiều quy định pháp luật mới liên tục được ban hành để điều chỉnh các quan hệ xã hội. Nếu người dân không được tiếp cận kịp thời với các thông tin pháp luật thì sẽ khó có thể thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Thông qua hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng có thể được triển khai như tổ chức các buổi tuyên truyền pháp luật tại thôn, tổ dân phố; lồng ghép nội dung pháp luật vào các cuộc họp, sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể; tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh cơ sở; phát hành tài liệu pháp luật; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, ứng dụng mạng xã hội (Zalo, Facebook, Fanpage, TikTok...); xây dựng video, infographic... Những hình thức tuyên truyền này giúp pháp luật đến gần hơn với người dân, tạo điều kiện để người dân hiểu và thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

*Thứ ba*, việc thành lập Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật ở cấp xã góp phần tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở. Trên thực tế, công tác phổ biến pháp luật liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực và có sự tham gia của nhiều cơ quan, tổ chức như tư pháp, công an, mặt trận tổ quốc, hội phụ nữ, đoàn thanh niên, hội nông dân... Nếu thiếu cơ

chế phối hợp thống nhất thì hoạt động tuyên truyền pháp luật sẽ dễ bị phân tán, thiếu trọng tâm và không phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. Các thành viên Hội đồng sẽ đại diện cho các cơ quan, tổ chức liên quan cùng tham gia xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động tuyên truyền pháp luật. Điều này giúp tạo ra sự liên kết chặt chẽ giữa các lực lượng, tránh chồng chéo nhiệm vụ, đồng thời nâng cao hiệu quả và chất lượng của công tác phổ biến pháp luật.

*Thứ tư*, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật ở cấp xã còn góp phần quan trọng trong việc xây dựng và phát triển văn hóa pháp lý trong cộng đồng. Văn hóa pháp lý được hình thành khi mỗi cá nhân trong xã hội có ý thức tôn trọng pháp luật, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Khi pháp luật được phổ biến rộng rãi và được Nhân dân tự giác chấp hành, trật tự, kỷ cương xã hội sẽ được củng cố, các hành vi vi phạm pháp luật sẽ giảm thiểu, góp phần xây dựng môi trường xã hội ổn định, lành mạnh. Bên cạnh đó, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật ở cấp xã còn có vai trò quan trọng trong việc đổi mới nội dung và phương thức tuyên truyền pháp luật. Trong thời đại công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ, công tác phổ biến pháp luật không chỉ dừng lại ở các hình thức truyền thống mà cần kết hợp với các phương thức hiện đại như tuyên truyền qua mạng xã hội, cổng thông tin điện tử của địa phương, các ứng dụng công nghệ thông tin... Việc đổi mới phương thức tuyên truyền sẽ giúp nâng cao hiệu quả tiếp cận pháp luật của người dân, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ.

Tuy nhiên, để Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật ở cấp xã hoạt động hiệu quả, cần quan tâm thực hiện một số giải pháp quan trọng sau:

*Một là*, cần kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp xã và đội ngũ làm công tác phổ biến pháp luật ở cơ sở. Các thành viên Hội đồng cần được lựa chọn

là những cán bộ có năng lực, trách nhiệm và am hiểu pháp luật. Đồng thời, cần tăng cường tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng tuyên truyền cho đội ngũ này.

Căn cứ thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp tỉnh và yêu cầu thực tiễn tại địa phương, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định việc thành lập, thành phần, số lượng thành viên, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp xã. Đồng thời, ban hành Quy chế hoạt động, phê duyệt Danh sách thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp xã; trực tiếp chỉ đạo và phân công một Lãnh đạo UBND cấp xã phụ trách công tác PBGDPL làm Chủ tịch Hội đồng.

*Hai là*, cần tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và sự chỉ đạo của chính quyền địa phương đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Khi công tác này được quan tâm đúng mức và được triển khai đồng bộ, hiệu quả thì sẽ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương, đồng thời củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

*Ba là*, phát huy vai trò tham mưu nòng cốt của Văn phòng HĐND và UBND cấp xã trong việc kết nối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên để triển khai các hoạt động PBGDPL, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn có hiệu quả, thực chất.

*Bốn là*, lồng ghép tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào các buổi sinh hoạt văn hóa, họp thôn, tổ dân phố và các ngày lễ tại địa phương; tăng cường ứng dụng mạng xã hội (Zalo, Facebook, Fanpage, TikTok...); xây dựng video, infographic... và hệ thống loa truyền thanh cơ sở để thông tin kịp thời các chính sách mới đến người dân; khai thác có hiệu quả các file thu âm về PBGDPL do Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh biên soạn gửi cho UBND các xã, phường, đặc khu hàng tháng; phối hợp chặt chẽ với các tổ chức hành nghề luật sư, Trung tâm Trợ giúp

pháp lý nhà nước để giải đáp vướng mắc cho Nhân dân ngay tại cơ sở.

*Năm là*, cần bảo đảm nguồn lực cần thiết cho hoạt động của Hội đồng, bao gồm kinh phí, tài liệu tuyên truyền và các điều kiện phục vụ công tác phổ biến pháp luật theo định mức quy định tại Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi thực hiện công tác PBGDPL; chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; huy động các nguồn lực xã hội hóa để trang bị cơ sở vật chất hoặc các phương tiện truyền thông cần thiết.

Từ kết quả khảo sát các đơn vị cấp xã trên địa bàn tỉnh cũng như những phân tích trên có thể khẳng định rằng việc thành lập Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật ở cấp xã là yêu cầu khách quan và cần thiết trong quá trình thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Đây là một giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả công tác phổ biến pháp luật, phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị ở cơ sở, đồng thời góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

Chính vì vậy, trong thời gian tới, các xã phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh cần triển khai việc thành lập Hội đồng PHPBGDPL và tiếp tục quan tâm củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng PHPBGDPL tại đơn vị mình, coi đây là nhiệm vụ quan trọng trong công tác quản lý nhà nước và xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh. Đồng thời, đề nghị cơ quan có thẩm quyền cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung đối với quy định này tại Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và Quyết định số 26/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật theo hướng quy định việc thành lập Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật ở 3 cấp, Trung ương, cấp tỉnh và cấp xã là bắt buộc.

# TRỌN NIỀM TIN, VỮNG Ý CHÍ TRÊN HÀNH TRÌNH MỚI

■ NGUYỄN VĂN GIANG

Năm 2025 khép lại, những ngày đầu năm 2026, hòa chung không khí sôi nổi cùng cả đất nước, Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Quảng Trị đang nô nức thi đua đưa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 -2030 vào cuộc sống, tiến tới chào mừng Đại hội Đại biểu toàn quốc lần XIV của Đảng và Kỷ niệm 96 năm Ngày thành lập Đảng. Trong thời khắc đặc biệt, khởi điểm của hành trình mới - hành trình vươn mình trong kỷ nguyên mới, Đảng bộ và Nhân dân Quảng Trị luôn trọn vẹn niềm tin và vững vàng ý chí, vững bước vươn mình cùng đất nước.

Hành trình đã qua, tỉnh đạt được những thành tựu với những dấu ấn nổi bật. Đó là nền tảng vững chắc để chúng ta vững tin bước vào năm mới, khởi đầu hành trình mới

Dấu ấn nổi bật đầu tiên đến từ những kết quả đáng tự hào trên chặng đường 5 năm hiện thực hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025. Chặng đường 5 năm qua, dù đối diện với nhiều khó khăn, thách thức lớn từ những biến động toàn cầu, nhất là các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống diễn biến phức tạp, cộng hưởng tác động “đa chiều” đến quá trình hiện thực hóa Nghị quyết. Tuy nhiên, với ý chí, nỗ lực và quyết tâm cao, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, Đảng bộ và Nhân dân Quảng Trị đã đạt được những thành tựu khá toàn diện. Trong giai đoạn 2021-2025, nền kinh tế duy trì mức tăng trưởng khá, tốc độ tăng trưởng GRDP đạt 6,8%, riêng năm 2025 đạt 8%; tổng thu ngân sách đạt trên 59.300 tỷ đồng tạo nguồn lực mạnh mẽ cho đầu tư phát triển địa phương; đến năm 2025, quy mô GRDP toàn tỉnh ước

đạt gần 145 nghìn tỷ đồng, gấp 1,5 lần năm 2020. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch hiện đại, một số ngành kinh tế mũi nhọn như du lịch, dịch vụ, năng lượng, kinh tế rừng, biển... đã tạo ra bước đột phá cho sự phát triển. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được chú trọng đầu tư, kết nối đồng bộ, từng bước hiện đại. Nhiều công trình mới được xây dựng, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân, vừa tạo điểm nhấn trong cảnh quan đô thị. Hệ thống giao thông phát triển mạnh mẽ làm thay đổi diện mạo quê hương. Đời sống Nhân dân không ngừng được nâng lên, GRDP bình quân đầu người năm 2025 đạt 79,1 triệu đồng, tăng 1,6 lần năm 2020<sup>1</sup>. Các mục tiêu phát triển văn hóa-xã hội, xóa đói, giảm nghèo, tạo việc làm, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh... được triển khai hiệu quả. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được chú trọng toàn diện; quốc phòng an ninh được đảm bảo; công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế được mở rộng góp phần nâng cao vị thế tỉnh nhà và tạo nguồn lực thúc đẩy phát triển.

Dấu ấn tiếp theo đến từ những kết quả



(Một góc Phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị)

**Nguồn: baoquangtri.vn)**

bước đầu trong thực hiện các quyết sách chiến lược có tính cách mạng để khơi thông dòng chảy, tạo nguồn lực bứt phá phát triển trước ngưỡng cửa của kỷ nguyên vươn mình dân tộc. Đó là dấu mốc đặc biệt, đi vào lịch sử quê hương khi ngày 01/7/2025, hai tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị hợp nhất thành tỉnh Quảng Trị, đưa Quảng Trị trở thành một tỉnh giàu tiềm năng, đứng trước lợi thế lớn để bứt phá phát triển trong giai đoạn mới. Đồng thời, cùng với cả nước, Quảng Trị đã quyết liệt triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp hướng tới gần dân, sát dân, tạo bước chuyển mạnh mẽ của quản lý hành chính từ thụ động, cứng nhắc sang chủ động phục vụ Nhân dân. Trong thời gian 6 tháng, bộ máy nhanh chóng được kiện toàn và vận hành thông suốt, liên tục, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị đề ra. Bên cạnh, những quyết sách chiến lược đang tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đồng bộ, toàn diện về các vấn đề tinh gọn bộ máy; đổi mới, xây dựng và thực thi pháp luật; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển kinh tế tư nhân; hội nhập

quốc tế; an ninh năng lượng; giáo dục đào tạo, văn hóa, y tế... theo tinh thần các Nghị quyết chiến lược của Đảng là Nghị quyết 57-NQ/TW, Nghị quyết 59-NQ/TW, Nghị quyết 66-NQ/TW, Nghị quyết 68-NQ/TW, Nghị quyết 70-NQ/TW, Nghị quyết 71-NQ/TW, Nghị quyết 72-NQ/TW đã bước đầu đạt những kết quả, đặt nền móng vững chắc, mở ra bước ngoặt cho sự phát triển của Quảng Trị trong kỷ nguyên mới.

Dấu ấn quan trọng nhất chính là thành công của Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030. Đây là sự kiện trọng đại có ý nghĩa hết sức đặc biệt trong bối cảnh hai tỉnh mới hợp nhất và có những bước chuyển mình mạnh mẽ. Từ Đại hội, Đảng bộ đã xác định những chủ trương lớn, quyết sách hệ trọng mở ra chặng đường phát triển mới của tỉnh để “hòa nhịp” với kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Trong đó, đặt ra phương hướng, mục tiêu tổng quát của nhiệm kỳ là “Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ... Xây dựng Quảng Trị trở thành cực tăng trưởng mới trong khu vực

miền Trung”<sup>2</sup> và định hướng tầm nhìn đến năm 2045 là “Phấn đấu đến năm 2045, Quảng Trị trở thành tỉnh phát triển khá, là trung tâm năng lượng, logistic và du lịch đặc sắc của cả nước”<sup>3</sup>. Trên cơ sở đó, Đảng bộ đề ra các chỉ tiêu chủ yếu ở một số lĩnh vực cơ bản; xác định 05 nhiệm vụ trọng tâm, 03 khâu đột phá và những nhiệm vụ và giải pháp cụ thể để lãnh đạo hiện thực hóa mục tiêu. Để nhanh chóng đưa Nghị quyết vào cuộc sống, ngày 10/10/2025, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 01-Ctr/TU về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 đã xác định những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, đề án, chính sách, công trình, dự án quan trọng trong giai đoạn 2026-2030 gắn với tinh thần “6 rõ” trong triển khai thực hiện: Rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ nguồn lực, rõ kết quả<sup>4</sup>. Cho thấy quyết tâm mạnh mẽ, hành động quyết liệt, trách nhiệm lớn lao của Đảng bộ với sự phát triển của quê hương trong giai đoạn mới.

Kết thúc chặng đường đã qua với nhiều dấu ấn và những thành tựu quan trọng là nền tảng vững chắc và cội nguồn sức mạnh to lớn để Đảng bộ và Nhân dân Quảng Trị vươn mình phát triển đón chào năm mới, trọn vẹn niềm tin và vừng vàng ý chí trên hành trình mới.

Năm mới 2026, năm có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với quê hương, đất nước. Là năm “khởi đầu” của kỷ nguyên vươn mình dân tộc, khởi điểm bằng sự kiện chính trị trọng đại của Đảng, dân tộc, đất nước ta đó là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Đại hội là mốc son đặc biệt trên con đường phát triển của đất nước, đưa Việt Nam phát triển phồn vinh, hạnh phúc. Sau 96 năm, dưới sự lãnh đạo của Đảng, dân tộc ta đã lập nên những kỳ tích vẻ vang đưa đất nước ta đạt được những thành tựu to lớn với những bước ngoặt lịch sử. Sau nhiều năm định hình và phát triển, trước vận thế mới của đất nước và thời cuộc, Đại hội XIV có ý nghĩa hết sức đặc biệt, quyết định những vấn đề hệ trọng đưa dân tộc ta đột phá vươn mình

bước vào tương lai rạng ngời, khẳng định vị thế mới trên trường quốc tế. Bên cạnh đó, năm 2026, cũng là năm diễn ra cuộc Bầu cử Đại biểu Quốc hội Khóa XVI và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, một sự kiện chính trị, pháp lý quan trọng của đất nước, thể hiện quyền làm chủ, tinh thần đoàn kết của Nhân dân. Đồng thời, năm 2026, cũng là năm quan trọng trong dòng chảy lịch sử dân tộc ta như Kỷ niệm 96 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh; 80 năm ngày Tổng tuyển cử đầu tiên, 136 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại và nhiều sự kiện lịch sử khác.

Đối với Quảng Trị, năm 2026, là năm “đầu tiên” trong quá trình 5 năm (2025-2030) đưa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp vào thực tiễn cuộc sống, đặt nền móng cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ trong những năm tiếp theo. Đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng của Đảng bộ và Nhân dân Quảng Trị nhằm khẳng định sức sống của Nghị quyết, đưa Quảng Trị ngày càng phát triển, hòa chung với khát vọng dân tộc, hiện thực hóa một nước Việt Nam hùng cường, giàu mạnh, văn minh, thịnh vượng.

Chặng đường phía trước có nhiều thời cơ, thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn, thách thức nhưng với những nền tảng vững chắc, cùng niềm tin và ý chí vươn tới tương lai sẽ là động lực để Quảng Trị bút phá phát triển trên hành trình mới.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Bộ tỉnh Quảng Trị. *Văn Kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030*, Quảng Trị - 2025, tr 25-26.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Bộ tỉnh Quảng Trị. *Văn Kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030*, Quảng Trị - 2025, tr 52-53.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Bộ tỉnh Quảng Trị. *Văn Kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030*, Quảng Trị - 2025, tr 53.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Bộ tỉnh Quảng Trị. *Văn Kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030*, Quảng Trị - 2025, tr 207-208.

# Một số điểm mới của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2025

■ THS.GVC. CAO THỊ HÀ  
Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị

**G** iám sát là một trong ba chức năng hiến định của Quốc hội và là chức năng trọng yếu của Hội đồng nhân dân các cấp. Trong cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam, giám sát không chỉ là phương thức bảo đảm tính tuân thủ Hiến pháp và pháp luật mà còn là công cụ nền tảng để kiểm soát việc thực thi quyền lực, phòng ngừa lạm quyền, bảo đảm trách nhiệm giải trình của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong bộ máy nhà nước. Sau một thập kỷ thi hành, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân (sau đây gọi là Luật năm 2015) đã tạo lập cơ sở pháp lý quan trọng cho việc đổi mới phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Thực tiễn triển khai cho thấy Luật năm 2015 đã góp phần tăng cường tính công khai, minh bạch, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan dân cử, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, kỳ vọng của cử tri và Nhân dân.

Tuy nhiên, trước yêu cầu tiếp tục hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đẩy mạnh kiểm soát quyền lực và nâng cao chất lượng quản trị quốc gia trong bối cảnh mới, một số quy định của Luật năm 2015 đã bộc lộ những hạn chế, bất cập nhất định. Đó là việc quy định còn dàn trải, thiếu tính linh hoạt; cơ chế theo dõi, đôn đốc thực hiện kiến nghị sau giám sát chưa thật sự chặt chẽ; một số thẩm quyền và trách nhiệm của chủ

thể giám sát, đối tượng chịu sự giám sát chưa được xác định đầy đủ, rõ ràng. Xuất phát từ yêu cầu khách quan đó, tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân (sau đây gọi là Luật năm 2025). Luật gồm 05 chương, 45 điều và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2026. Một số điểm mới của Luật năm 2025 như sau:

## **Thứ nhất, về nguyên tắc hoạt động giám sát (Điều 3).**

So với Luật năm 2015, Luật năm 2025 đã sửa đổi, bổ sung theo hướng hoàn thiện hệ thống nguyên tắc hoạt động giám sát. Cụ thể, Luật năm 2025 tiếp tục kế thừa ba nguyên tắc cơ bản của Luật năm 2015, gồm: tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, hiệu quả; không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát. Đồng thời, Luật năm 2025 đã bổ sung ba nguyên tắc mới, thể hiện sự phát triển trong nhận thức và yêu cầu thực tiễn đối với hoạt động giám sát, bao gồm: bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng Cộng sản Việt Nam; thực hiện giám sát toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn; bảo đảm sự gắn kết giữa hoạt động giám sát với việc hoàn thiện chính sách, pháp luật và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, địa phương.

Việc bổ sung các nguyên tắc này không chỉ làm rõ cơ sở chính trị - pháp lý của hoạt động giám sát mà còn định hướng hoạt động giám sát theo hướng thực chất hơn, gắn với yêu cầu

nâng cao chất lượng lập pháp, quyết định và quản trị nhà nước trong giai đoạn mới.

#### **Thứ hai, về quyền của chủ thể giám sát (Điều 4).**

Trong Luật năm 2015, quyền của chủ thể giám sát chưa được quy định thành một điều khoản độc lập, thống nhất. Các quyền liên quan chủ yếu được thể hiện rải rác trong các quy định về thẩm quyền của từng chủ thể (Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Quốc hội, đại biểu...), dẫn đến việc thiếu một khuôn khổ pháp lý chung xác định rõ nội hàm quyền năng của chủ thể giám sát trong quá trình thực hiện hoạt động giám sát.

Khắc phục hạn chế đó, Luật năm 2025 đã bổ sung Điều 4 quy định riêng về quyền của chủ thể giám sát. Việc thiết lập một điều khoản độc lập không chỉ có ý nghĩa kỹ thuật lập pháp mà còn thể hiện bước hoàn thiện về phương diện lý luận và pháp lý đối với chế định giám sát. Theo đó, chủ thể giám sát được xác định rõ 07 quyền cơ bản. Việc luật hóa đầy đủ, hệ thống các quyền này đã tạo cơ sở pháp lý minh bạch cho hoạt động giám sát, đồng thời tăng cường tính ràng buộc trách nhiệm đối với đối tượng chịu sự giám sát. Qua đó, hoạt động giám sát không chỉ dừng lại ở việc phát hiện và kiến nghị mà được bảo đảm bằng các quyền năng pháp lý cụ thể, góp phần nâng cao hiệu lực và tính thực chất của cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước.

#### **Thứ ba, về trách nhiệm của chủ thể giám sát (Điều 5).**

Luật năm 2025 đã bổ sung Điều 5 quy định cụ thể về trách nhiệm của chủ thể giám sát. Đây là điểm mới có ý nghĩa quan trọng về phương diện hoàn thiện chế định giám sát. Việc luật hóa trách nhiệm của chủ thể giám sát có ý nghĩa thiết lập sự cân bằng giữa quyền và trách nhiệm trong thực thi quyền giám sát. Nếu Điều 4 trao quyền thì Điều 5 đặt ra giới hạn và nghĩa vụ pháp lý tương ứng, qua đó bảo đảm hoạt động giám sát được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật, tránh lạm quyền, hình thức hoặc can thiệp không phù hợp.

#### **Thứ tư, về quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát (Điều 6).**

Trong Luật năm 2015, quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chưa được quy định thành một điều khoản độc lập. Các

quy định chủ yếu tập trung vào nghĩa vụ cung cấp thông tin, báo cáo, giải trình, trong khi phương diện bảo đảm quyền của đối tượng chịu sự giám sát chưa được thể hiện một cách đầy đủ và hệ thống. Điều này phần nào tạo nên cách tiếp cận thiên về một chiều trong quan hệ giám sát.

Khắc phục hạn chế đó, Luật năm 2025 đã bổ sung Điều 6 quy định cụ thể về quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát. Việc thiết lập quy định này thể hiện bước hoàn thiện quan trọng trong việc bảo đảm tính cân bằng, khách quan và minh bạch của hoạt động giám sát. Việc luật hóa các quyền này có ý nghĩa bảo đảm nguyên tắc khách quan, công bằng trong hoạt động giám sát, đồng thời nâng cao chất lượng kết luận giám sát thông qua cơ chế phản hồi và giải trình hai chiều. Qua đó, quan hệ giám sát được xác lập không chỉ trên cơ sở quyền lực của chủ thể giám sát mà còn trên nền tảng pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng chịu sự giám sát.

#### **Thứ năm, về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát (Điều 7).**

Trong Luật năm 2015, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chủ yếu được quy định rải rác trong các điều khoản liên quan đến từng hình thức giám sát cụ thể. Nội dung trách nhiệm tập trung vào nghĩa vụ báo cáo, giải trình và thực hiện kiến nghị sau giám sát, nhưng chưa được thiết kế thành một điều khoản có tính khái quát, thống nhất về trách nhiệm pháp lý trong toàn bộ quá trình giám sát.

Kế thừa và phát triển các quy định trước đây, Luật năm 2025 đã bổ sung Điều 7 quy định riêng về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát. Việc thiết lập một điều khoản độc lập về trách nhiệm thể hiện bước hoàn thiện quan trọng trong cấu trúc pháp lý của quan hệ giám sát.

#### **Thứ sáu, về công khai, minh bạch trong hoạt động giám sát (Điều 10).**

Trong Luật năm 2015, “công khai, minh bạch” được xác định là một nguyên tắc của hoạt động giám sát. Tuy nhiên, quy định này dừng lại ở mức độ định hướng chung, chưa được cụ thể hóa thành nghĩa vụ pháp lý rõ ràng về nội dung phải công khai, hình thức công khai và trách nhiệm thực hiện công khai. Đồng thời, Luật năm 2015 chưa làm nổi bật

quyền tiếp cận thông tin của tổ chức, cá nhân và vai trò của báo chí trong theo dõi hoạt động giám sát.

Khắc phục hạn chế đó, Luật năm 2025 đã dành Điều 10 quy định riêng về công khai, minh bạch trong hoạt động giám sát. Việc thiết lập một điều khoản độc lập thể hiện sự chuyển biến từ cách tiếp cận nguyên tắc sang cách tiếp cận trách nhiệm pháp lý cụ thể. Theo đó, Luật năm 2025 xác định rõ các nội dung phải được công khai như: chương trình, kế hoạch giám sát; kết luận giám sát; báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị giám sát và các thông tin liên quan khác theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Luật nhấn mạnh yêu cầu công khai phải bảo đảm kịp thời, chính xác, đầy đủ và thực hiện theo hình thức phù hợp, gắn với quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước.

Quy định này có ý nghĩa quan trọng trên nhiều phương diện. *Thứ nhất*, tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của cả chủ thể giám sát và đối tượng chịu sự giám sát. *Thứ hai*, tạo cơ sở pháp lý để cử tri, Nhân dân, cơ quan báo chí và các tổ chức xã hội theo dõi, đánh giá việc thực hiện kết luận, kiến nghị giám sát. *Thứ ba*, góp phần bảo đảm sự giám sát của xã hội đối với hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, qua đó nâng cao tính thực chất và hiệu lực của cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước.

### **Thứ bảy, về đẩy mạnh phân công, phân cấp, phân quyền, phối hợp trong hoạt động giám sát**

So với Luật năm 2015, Luật năm 2025 thể hiện rõ hơn định hướng đẩy mạnh phân công, phân cấp, phân quyền và tăng cường phối hợp trong tổ chức thực hiện hoạt động giám sát. Nội dung này không được quy định tập trung tại một điều khoản riêng mà được thể hiện xuyên suốt trong cấu trúc của Luật năm 2025.

Luật năm 2025 tiếp cận theo hướng:

- Xác định rõ hơn phạm vi, trách nhiệm giám sát của từng chủ thể, bảo đảm phù hợp với vị trí, chức năng và thẩm quyền hiến định;

- Tăng cường tính chủ động của các cơ quan của Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân trong tổ chức, triển khai hoạt động giám sát;

- Nhấn mạnh yêu cầu phối hợp giữa các chủ thể giám sát, giữa cơ quan giám sát ở trung ương và địa phương, cũng như giữa hoạt động

giám sát với hoạt động lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng và công tác cán bộ.

Định hướng này nhằm hạn chế sự chồng chéo trong lựa chọn nội dung giám sát, tránh trùng lặp trong tổ chức thực hiện, đồng thời phát huy tính linh hoạt và trách nhiệm của từng chủ thể trong hệ thống cơ quan dân cử.

### **Thứ tám, về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động giám sát (Điều 43)**

Trong Luật năm 2015, vấn đề ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giám sát chưa được quy định thành một nội dung độc lập. Việc sử dụng phương tiện điện tử, hệ thống thông tin trong tổ chức giám sát chủ yếu mang tính hỗ trợ kỹ thuật, chưa được xác định là một yêu cầu pháp lý bắt buộc.

Khắc phục khoảng trống này, Luật năm 2025 đã dành Điều 43 quy định về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động giám sát. Theo đó, các chủ thể giám sát, cũng như cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giám sát, có trách nhiệm ứng dụng công nghệ và đẩy mạnh chuyển đổi số; bảo đảm sự liên thông, chia sẻ dữ liệu phục vụ hoạt động giám sát theo quy định của pháp luật.

Quy định này có một số điểm đáng chú ý. *Thứ nhất*, việc ứng dụng công nghệ thông tin không còn là lựa chọn mang tính khuyến khích mà trở thành trách nhiệm pháp lý của các chủ thể tham gia hoạt động giám sát. Điều này tạo cơ sở để hình thành hệ thống dữ liệu giám sát thống nhất, phục vụ việc thu thập, xử lý và phân tích thông tin một cách kịp thời, chính xác; *Thứ hai*, Luật năm 2025 nhấn mạnh yêu cầu liên thông và chia sẻ dữ liệu. Đây là yếu tố có ý nghĩa then chốt trong bối cảnh quản trị hiện đại, khi hiệu quả giám sát phụ thuộc ngày càng lớn vào khả năng tiếp cận và xử lý khối lượng dữ liệu đa ngành, đa lĩnh vực; *Thứ ba*, quy định tại Điều 43 đặt hoạt động giám sát trong tổng thể tiến trình xây dựng Quốc hội số, Chính phủ số và chính quyền số ở địa phương. Qua đó, hoạt động giám sát của cơ quan dân cử được định hướng vận hành trên nền tảng số, góp phần nâng cao tính minh bạch, giảm chi phí, rút ngắn thời gian xử lý và tăng cường khả năng theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kiến nghị sau giám sát.

# CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ MỘT SỐ BẤT CẬP TRONG THỰC TIỄN ÁP DỤNG ĐỐI VỚI VIỆC QUY ĐỊNH THỜI HẠN LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH

■ NGỌC DUYÊN

*Vi phạm hành chính là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.*

*Xử phạt vi phạm hành chính là việc người có thẩm quyền xử phạt áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính.* Như vậy, xử phạt vi phạm hành chính bao gồm các chế tài chủ yếu đánh vào lợi ích kinh tế, tinh thần của người vi phạm. Các chế tài xử phạt hành chính bao gồm hình thức xử phạt chính, hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả.

Trong đời sống xã hội hành vi vi phạm hành chính thường xảy ra trên tất cả các lĩnh vực; quá trình quản lý người có thẩm quyền phát hiện hành vi vi phạm hành chính thông qua rất nhiều kênh như: đơn thư, tin báo, khiếu nại tố cáo, thanh tra, kiểm tra... hành vi đó phải được ghi nhận bằng văn bản (biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính...). Trên cơ sở tài liệu ghi nhận người có thẩm quyền cần cân nhắc, đánh giá kỹ các dấu hiệu pháp lý của hành vi thực tế: chủ thể, khách thể, hành vi khách quan, chủ quan... từ đó đưa ra kết luận có vi phạm hành chính không, xử phạt hay không xử phạt để tiến hành các thủ tục tiếp theo.

Như vậy, bước đầu khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính đòi hỏi chủ thể có thẩm quyền phải có nghiệp vụ chuyên sâu về pháp luật xử lý vi phạm hành chính và thận trọng khi lựa chọn quy phạm pháp luật để áp dụng.

Khi ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và thời hạn quy định, nhằm ngăn chặn hành vi vi phạm, đồng thời áp dụng các chế tài hành chính đối với chủ thể vi phạm hành chính nếu chủ thể bị xử phạt không chấp hành quyết định xử phạt trong một thời hạn quy định thì sẽ bị cưỡng chế thi hành. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành đúng pháp luật thì quyết định đó phải đảm bảo đúng thẩm quyền, đúng hình thức theo mẫu quy định và đúng nội dung. Nội dung của quyết định phải mô tả rõ ràng, chính xác, đầy đủ các dấu hiệu của hành vi vi phạm thực tế, hành vi đó là hành vi vi phạm hành chính gì, viện dẫn cụ thể điểm, khoản, điều của Nghị định được áp dụng để xử phạt.

Trong thời gian gần đây có sự thay đổi của các văn bản pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Vì vậy, với tư cách chủ thể quản lý, chúng ta cần nắm vững nguyên tắc áp dụng pháp luật khi lựa chọn các văn bản pháp luật để xử lý các hành vi vi phạm hành chính.

- Chọn đúng văn bản pháp luật, quy phạm pháp luật cần dùng cho trường hợp cần áp dụng.

- Đảm bảo tính hiệu lực của các văn bản pháp luật áp dụng (về không gian, thời gian, và đối tượng tác động). Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Tuân thủ nguyên tắc áp dụng văn bản pháp luật quy định tại Điều 58 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật: (1) Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt

đầu có hiệu lực. (2) Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi, sự kiện xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật có quy định hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó. (3) Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn. (4) Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau. (5) Việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật trong nước không được cản trở việc thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật trong nước và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó, trừ Hiến pháp. (6) Việc áp dụng pháp luật khác với quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này do Quốc hội quy định.

- Trường hợp hành vi vi phạm hành chính được thực hiện trong một khoảng thời gian có nhiều nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có hiệu lực, mà không xác định được nghị định để áp dụng theo Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, thì việc lựa chọn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật để xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính được thực hiện như sau: (1) Nếu hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, thì áp dụng nghị định đang có hiệu lực tại thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để xử phạt; (2) Nếu hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện, thì áp dụng nghị định đang có hiệu lực tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm để xử phạt. (3) Thẩm quyền, thủ tục và biểu mẫu trong xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm xem xét, xử lý hành vi vi phạm<sup>1</sup>.

#### **Cách thức xác định vi phạm hành chính:**

Việc xác định vi phạm hành chính có thể được thực hiện ở nhiều thời điểm: ngay khi phát hiện dấu hiệu vi phạm, trong quá trình tiến hành xử lý vi phạm theo thủ tục hành chính, thậm chí khi đã có các quyết định xử lý nhưng cần phải

xem xét, đánh giá lại sự việc trong quá trình giải quyết khiếu nại do có khiếu nại hoặc tham gia tranh tụng hành chính do bị kiện. Trong từng sự việc cụ thể, để xác định một hành vi có phải là hành vi vi phạm hành chính không cần thực hiện qua các bước sau:

**Bước 1:** Phân tích, đánh giá các tình tiết, hoàn cảnh, điều kiện của sự việc thực tế đã xảy ra

Người đang thi hành công vụ, cơ quan hành chính có thẩm quyền khi nhận được thông tin hoặc tự phát hiện thấy hành vi của cá nhân, tổ chức mà nghi ngờ là vi phạm cần đánh giá hành vi xảy ra trên thực tế là hành vi gì? có bao nhiêu hành vi? do cá nhân, tổ chức nào thực hiện? diễn biến như thế nào? trong lĩnh vực nào?

**Bước 2:** Lựa chọn và áp dụng văn bản pháp luật, quy phạm pháp luật để đánh giá hành vi vi phạm.

Để có cơ sở pháp lý xác định hành vi vi phạm, cần tìm văn bản pháp luật, tìm quy định pháp luật tương ứng mô tả hành vi vi phạm. Các văn bản pháp luật áp dụng bao gồm văn bản quy định chung cho tất cả các trường hợp xử lý vi phạm hành chính và các văn bản riêng cho từng lĩnh vực cụ thể. Trên cơ sở dự đoán hành vi đang có dấu hiệu vi phạm thuộc lĩnh vực nào để chọn Nghị định và văn bản pháp luật khác (nếu có) phù hợp.

Tiếp theo là đối chiếu hành vi thực tế với hành vi vi phạm được mô tả trong quy định của pháp luật (có thể trong 1 hoặc nhiều văn bản pháp luật), để khẳng định hành vi thực tế đó có phải là hành vi vi phạm được pháp luật quy định hay không; để đánh giá tính chất mức độ của hành vi vi phạm có thể phải đối chiếu thêm với quy định về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với hành vi đó.

Một vấn đề cũng rất quan trọng là phải đánh giá xem hành vi vi phạm đó có thuộc thẩm quyền xử lý trong phạm vi công vụ không. Vì nhiều khi trong một vụ vi phạm, người vi phạm có nhiều hành vi vi phạm, các hành vi vi phạm lại thuộc nhiều lĩnh vực quản lý, thuộc thẩm quyền xử lý của nhiều chủ thể quản lý, được điều chỉnh bởi nhiều văn bản pháp luật (Nghị định) khác nhau. Hoặc có thể chỉ có một hành vi nhưng nếu không nắm vững các quy định pháp luật, đánh giá không đúng tính chất của hành vi vi phạm sẽ dẫn đến nhầm lẫn

lĩnh vực pháp luật điều chỉnh và xác định sai thẩm quyền.

Nếu đủ căn cứ khẳng định có hành vi vi phạm và hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền giải quyết (có thể là thẩm quyền lập biên bản hoặc thẩm quyền ra quyết định xử lý) thì lựa chọn tiếp các quy định pháp luật về thủ tục xử lý.

**Bước 3: Lập biên bản vi phạm hành chính.**

Khi đủ cơ sở để khẳng định hành vi là hành vi vi phạm, có căn cứ pháp lý áp dụng thì chủ thể có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính. Biên bản vi phạm hành chính là kết quả của áp dụng pháp luật cho một trường hợp cụ thể, chính thức ghi nhận sự tồn tại của một hành vi vi phạm pháp luật và căn cứ pháp lý để xác định hành vi đó.

Trong trường hợp xác định hành vi vi phạm khi giải quyết khiếu nại, khiếu kiện thì cần kiểm tra tính hợp pháp của biên bản vi phạm hành chính đã được lập trong quá trình xử lý vi phạm hành chính.

Tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng pháp luật nhiều trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành không đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định nên không có hiệu lực thi hành và gây khó khăn trong quá trình áp dụng dẫn đến kéo dài quá trình xử lý vụ việc, làm giảm hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý hành chính nhà nước. Đồng thời, những khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của các văn bản quy định chi tiết, biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính làm ảnh hưởng đến quá trình xử lý vi phạm hành chính trong thực tiễn áp dụng cụ thể như sau:

- Nghị định số 118/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 190/2025/Đ-CP) quy định một số nội dung thực hiện theo thời hạn (như thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính, chuyển biên bản vi phạm hành chính), tuy nhiên chưa có quy định trường hợp thực hiện quá thời hạn thì xử lý như thế nào dẫn đến địa phương còn lúng túng khi thực hiện các thủ tục tiếp theo để xử lý vụ việc. Hiện nay, ở địa phương đang rất vướng khi xử lý những trường hợp này, bởi lẽ hành vi vi phạm đã xảy ra, đang xâm hại trật tự quản lý xã hội. Tuy nhiên, vì để quá thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính hoặc chuyển biên bản vi phạm hành chính mà không có cơ

sở để xử lý tiếp vụ vi phạm, dẫn đến vi phạm kéo dài, ảnh hưởng đến hiệu lực quản lý của Nhà nước<sup>2</sup>.

- Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 190/2025/Đ-CP) quy định thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính kể từ khi “*phát hiện vi phạm hành chính*”. Tuy nhiên, không có giải thích thời điểm nào là thời điểm “*phát hiện vi phạm hành chính*”, vì vậy trong thực tiễn giải quyết vụ việc vi phạm hành chính, người có thẩm quyền lập biên bản rất lúng túng khi xác định (phát hiện vi phạm hành chính là thời điểm khi nhìn thấy, nhận được tin báo... về vi phạm hành chính hay là thời điểm có đầy đủ thông tin, chứng cứ để xác định có hành vi vi phạm).

- Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính: Điểm b khoản 4 Điều 126 Luật XLVPHC quy định: “*Hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày thông báo lần thứ hai nếu người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, người có thẩm quyền phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính*”. Quy định “*thời hạn 1 năm*” như trên gây khó khăn cho việc bảo quản, tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do thời gian tạm giữ quá dài (1 năm), trong khi các cơ quan, đơn vị không đủ kho bãi, nhân lực cũng như các điều kiện để bảo quản tang vật, phương tiện.

Để tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính, khắc phục những vướng mắc, bất cập nêu trên đề nghị Bộ Tư pháp cần rà soát, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, những bất cập trong thực tiễn thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kịp thời hướng dẫn, xử lý hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

1. Điều 7 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 68/2025/NĐ-CP.

2. Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 68/2025/NĐ-CP.

# NHỮNG QUY ĐỊNH CƠ BẢN VỀ BẢO VỆ THÔNG TIN CÁ NHÂN TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

■ Luật gia: TRẦN TIẾN HẢI  
Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị

Sự phát triển như vũ bão của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã biến dữ liệu trở thành nguồn tài nguyên quốc gia quan trọng. Tuy nhiên, mặt trái của sự kết nối vạn vật và trí tuệ nhân tạo là nguy cơ xâm phạm đời tư chưa từng có. Các vụ lộ lọt thông tin quy mô lớn, tình trạng mua bán dữ liệu công khai trên các diễn đàn đã đặt ra yêu cầu cấp thiết về một hành lang pháp lý đủ mạnh.

Ngày 26/6/2025, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV đã chính thức thông qua Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026. Đây là dấu mốc lịch sử trong tư duy lập pháp của Việt Nam, nâng cấp các quy định từ Nghị định 13/2023/NĐ-CP lên tầm Luật, khẳng định cam kết mạnh mẽ của Nhà nước trong việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân theo tinh thần Hiến pháp 2013, đồng thời hội nhập sâu rộng với các tiêu chuẩn quốc tế. Khác với các văn bản dưới luật trước đây, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 đã đưa ra các quy định pháp lý chặt chẽ, bao trùm và có tính dự báo cao đối với sự phát triển của công nghệ.

Luật xác định: *Dữ liệu cá nhân là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự trên môi trường điện tử gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể.* Điểm mới của Luật là việc mở rộng khái niệm “giúp xác định”, bao gồm cả những dữ liệu khi đứng một mình thì vô nghĩa, nhưng khi kết hợp với dữ liệu khác có thể định danh chính xác một cá nhân.

Đối với việc phân nhóm dữ liệu. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân phân định rạch ròi hai nhóm dữ liệu, đó là dữ liệu cá nhân cơ bản và dữ liệu cá nhân nhạy cảm. Dữ liệu cá nhân cơ bản gồm

họ tên, ngày sinh, giới tính, quốc tịch, số điện thoại, số định danh cá nhân, tình trạng hôn nhân... Đây là lớp thông tin định danh sơ cấp. Dữ liệu cá nhân nhạy cảm, đây là trọng tâm bảo vệ của Luật, bao gồm: quan điểm chính trị, tôn giáo; tình trạng sức khỏe; đặc điểm di truyền và sinh trắc học như vân tay, mống mắt, khuôn mặt; thông tin về đời sống tình dục; dữ liệu vị trí; thông tin tài chính ngân hàng. Việc phân loại giúp áp dụng các biện pháp bảo vệ tương xứng với từng loại dữ liệu.

Về các nguyên tắc trong xử lý dữ liệu được quy định tại Điều 5 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, bao gồm các nguyên tắc mà mọi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phải tuân thủ đó là: *Nguyên tắc hợp pháp*, đó là dữ liệu chỉ được xử lý khi có cơ sở pháp lý rõ ràng; *Nguyên tắc minh bạch*, có nghĩa chủ thể dữ liệu phải được biết rõ ràng về việc ai đang giữ thông tin của mình, giữ để làm gì và trong bao lâu; *Nguyên tắc mục đích*, đó là dữ liệu thu thập cho mục đích này không được tự ý sử dụng cho mục đích khác nếu không có sự đồng ý bổ sung; *Nguyên tắc tối thiểu hóa*, đó là chỉ thu thập những trường thông tin cần thiết nhất; *Nguyên tắc chính xác*, đó là dữ liệu phải được cập nhật, bổ sung để đảm bảo tính đúng đắn; *Nguyên tắc toàn vẹn và bảo mật*, đó là áp dụng các biện pháp kỹ thuật để chống lại sự tấn công, đánh cắp; *Nguyên tắc lưu trữ có thời hạn*, đó là quy định chỉ lưu trữ trong khoảng thời gian cần thiết, sau đó phải tiêu hủy hoặc ẩn danh hóa; và *nguyên tắc trách nhiệm giải trình*. Luật còn quy định, bên kiểm soát dữ liệu phải có khả năng chứng minh sự tuân thủ của mình trước cơ quan chức năng bất cứ lúc nào.

Đối với quyền của chủ thể dữ liệu, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân đã quy định cụ thể quyền kiểm soát thông tin cho người dân bao gồm các quyền cơ bản. Trong đó, có những quyền mang tính thực tiễn cao như quyền đồng ý và rút lại sự đồng ý. Sự im lặng hoặc không phản hồi không được coi là sự đồng ý. Sự đồng ý phải được thể hiện bằng hành động rõ ràng như tích chọn, ký tên... Chủ thể có quyền rút lại sự đồng ý bất cứ lúc nào, và khi đó, quy trình xử lý dữ liệu phải dừng lại ngay lập tức. Quyền được lãng quên hay còn gọi là quyền xóa dữ liệu. Đó là công dân có quyền yêu cầu doanh nghiệp xóa bỏ toàn bộ dữ liệu về mình khi chấm dứt sử dụng dịch vụ hoặc khi dữ liệu không còn cần thiết cho mục đích ban đầu. Quyền hạn chế xử lý, đó là trong trường hợp nghi ngờ dữ liệu không chính xác hoặc việc xử lý là trái pháp luật, công dân có quyền yêu cầu “đóng băng” dữ liệu đó. Quyền phản đối, đó là phản đối việc sử dụng dữ liệu cho mục đích tiếp thị, quảng cáo.

Đối với trách nhiệm của bên kiểm soát và xử lý dữ liệu, Luật đã đặt ra các hàng rào kỹ thuật và hành chính bắt buộc, đó là: Mọi tổ chức khi bắt đầu xử lý dữ liệu cá nhân đều phải lập hồ sơ đánh giá tác động. Hồ sơ này phải mô tả chi tiết dòng chảy của dữ liệu, các rủi ro tiềm ẩn và biện pháp giảm thiểu. Hồ sơ này phải luôn sẵn sàng để trình lên Bộ Công an thẩm định.

Đối với trường hợp chuyển dữ liệu ra nước ngoài, Luật quy định chặt chẽ hơn những quy định trước đây. Tổ chức phải lập hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu ra nước ngoài, đảm bảo bên nhận dữ liệu tại nước ngoài có tiêu chuẩn bảo vệ tương đương hoặc cao hơn Việt Nam. Đối với các tổ chức xử lý dữ liệu nhạy cảm hoặc xử lý dữ liệu quy mô lớn, Luật bắt buộc phải có bộ phận hoặc nhân sự chuyên trách bảo vệ dữ liệu. Đây là đầu mối chịu trách nhiệm pháp lý trước cơ quan nhà nước.

Quy định về chế tài xử lý vi phạm, Luật đã khắc phục những bất cập trước đây. Luật quy định phạt tiền dựa trên doanh thu. Đối với doanh nghiệp vi phạm nghiêm trọng như mua bán dữ liệu trái phép, để lộ lọt dữ liệu nhạy cảm quy mô lớn, mức phạt không còn là con số cố định mà được tính bằng tỷ lệ phần trăm tổng doanh thu của năm tài chính liền kề trước đó có thể lên tới 3% - 5% tổng doanh thu toàn cầu

đối với các tập đoàn đa quốc gia. Bên cạnh đó, còn áp dụng quy định về đình chỉ hoạt động. Cơ quan chức năng có quyền đình chỉ hoạt động xử lý dữ liệu của tổ chức vi phạm cho đến khi khắc phục xong hậu quả. Tên của đơn vị vi phạm sẽ được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về bảo vệ dữ liệu cá nhân, ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín và thương hiệu.

Để Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân đi vào cuộc sống, các chủ thể cần thực hiện ngay các công việc đó là: Đối với cơ quan quản lý nhà nước cần khẩn trương ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành Luật, đặc biệt là quy trình thẩm định hồ sơ và quy chế hoạt động của Cổng thông tin quốc gia. Tăng cường năng lực cho lực lượng chuyên trách cả về con người và công nghệ để đủ sức giám sát, phát hiện vi phạm trong môi trường số phức tạp; Đối với các tổ chức, doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp công lập cần tiến hành rà soát toàn bộ quy trình thu thập, lưu trữ thông tin hiện tại từ thông tin nhân sự, học viên, đến đối tác. Cần phải ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân nội bộ; thiết lập các biểu mẫu lấy sự đồng ý của chủ thể dữ liệu đúng chuẩn Luật mới; nâng cấp hệ thống tường lửa, mã hóa dữ liệu và cơ chế xác thực đa lớp; Đối với mỗi cá nhân cần nâng cao ý thức tự vệ số. Hạn chế chia sẻ thông tin nhạy cảm công khai trên mạng xã hội. Thực hành thói quen đọc kỹ chính sách quyền riêng tư trước khi cài đặt ứng dụng hoặc sử dụng dịch vụ. Chủ động sử dụng các quyền mà Luật đã trao như quyền yêu cầu xóa dữ liệu, quyền khiếu nại khi phát hiện dấu hiệu bị xâm phạm.

Nói tóm lại, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 ra đời là mảnh ghép hoàn thiện cho hệ thống pháp luật về an ninh mạng của Việt Nam. Nó không chỉ tạo ra hành lang pháp lý an toàn cho nền kinh tế số phát triển bền vững mà còn thể hiện tính nhân văn sâu sắc trong việc bảo vệ phẩm giá và sự riêng tư của con người.

Đối với tỉnh Quảng Trị chúng ta, việc quán triệt và triển khai Luật này là nhiệm vụ chính trị quan trọng, đặc biệt trong bối cảnh đẩy mạnh chuyển đổi số và xây dựng chính quyền điện tử. Bảo vệ dữ liệu cá nhân không chỉ là tuân thủ pháp luật, mà còn là bảo vệ niềm tin của Nhân dân vào hệ thống chính trị trong kỷ nguyên số.

# NGÀNH TƯ PHÁP QUẢNG TRỊ TIẾP TỤC NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

## ■ HỒNG LUYẾN

*Cải cách hành chính được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của ngành Tư pháp tỉnh Quảng Trị nhằm xây dựng nền hành chính phục vụ, chuyên nghiệp, hiện đại và minh bạch. Bám sát chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh, ngành Tư pháp đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp cải cách, từng bước đơn giản hóa thủ tục, đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, qua đó tạo chuyển biến rõ nét trong chất lượng phục vụ người dân, tổ chức và doanh nghiệp.*

Cải cách hành chính (CCHC) trong ngành Tư pháp có vai trò rất quan trọng, trực tiếp tác động đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về pháp luật. Những năm qua, bám sát chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, ngành Tư pháp tỉnh Quảng Trị đã không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng công tác CCHC, từng bước xây dựng nền hành chính tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công khai, minh bạch, phục vụ tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập của địa phương.

Xác định cải cách hành chính là một trong những trụ cột quan trọng của tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đối với ngành Tư pháp - lĩnh vực gắn chặt với việc xây dựng, hoàn thiện thể chế, tổ chức thi hành pháp luật, cung cấp dịch vụ công về pháp lý - thì CCHC không chỉ là yêu cầu mang tính kỹ thuật quản lý mà còn là nhiệm vụ chính trị thường xuyên, lâu dài. Trong bối cảnh phát triển mới, yêu cầu đặt ra đối với cả nước nói chung, ngành Tư pháp nói riêng là phải bảo đảm pháp luật được xây dựng kịp thời,

đồng bộ, khả thi; thủ tục hành chính (TTHC) đơn giản, thuận tiện; dịch vụ công tư pháp được cung cấp nhanh chóng, chính xác; đội ngũ công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ chuyên môn cao, tinh thần phục vụ Nhân dân. Thực tiễn cho thấy, nơi nào làm tốt CCHC thì ở đó niềm tin của người dân, doanh nghiệp đối với cơ quan nhà nước được củng cố, môi trường đầu tư - kinh doanh được cải thiện rõ rệt.

Đối với tỉnh Quảng Trị mới sau hợp nhất tuy còn nhiều khó khăn nhưng là một tỉnh giàu tiềm năng, lợi thế lớn để bứt phá phát triển trong giai đoạn mới, việc nâng cao hiệu quả CCHC trong ngành Tư pháp có ý nghĩa thiết thực trong việc tạo nền tảng pháp lý ổn định, thông suốt, góp phần thu hút đầu tư, bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh và thúc đẩy phát triển bền vững. Những năm qua, Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị và hệ thống tư pháp các cấp đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm đẩy mạnh CCHC trên tất cả các nội dung: cải cách thể chế; cải cách TTHC; cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công; hiện đại hóa nền hành chính.

Trước hết, công tác cải cách thể chế được chú trọng, gắn chặt với nhiệm vụ tham mưu xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật văn bản (QPPL) của HĐND, UBND tỉnh. Quy trình xây dựng văn bản ngày càng được chuẩn hóa, bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; tăng cường công tác truyền thông chính sách, lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động; chú trọng đánh giá tác động chính sách, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. Nhờ đó, chất lượng văn bản QPPL từng bước được nâng lên, góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quản lý nhà nước và đời sống xã hội.

Cải cách TTHC trong lĩnh vực tư pháp đạt nhiều chuyển biến tích cực. Các thủ tục về hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, đấu giá tài sản, công chứng, luật sư, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp... được rà soát, đơn giản hóa theo hướng khai thác thông tin nhân thân từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử để giảm thành phần hồ sơ, rút ngắn thời gian giải quyết, công khai minh bạch về quy trình, phí và lệ phí. Việc tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã ngày càng đi vào nền nếp, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức.

Song song với đó, ngành Tư pháp tỉnh Quảng Trị đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước thực hiện chuyển đổi số trong giải quyết TTHC. Đến nay, 100% TTHC trong lĩnh vực tư pháp đều được tiếp nhận trên môi trường điện tử; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị từng bước được cải thiện, góp phần giảm thời gian, chi phí cho người dân và doanh nghiệp. Năm 2025, kết quả thực hiện Dịch vụ công trực tuyến và số hoá hồ sơ, kết quả đầu ra của Sở Tư pháp đạt 100%; đối với 03 TTHC thiết yếu trong lĩnh vực hộ tịch ở cấp xã tỷ lệ trực tuyến: Đăng ký khai sinh đạt 93,9%, Đăng ký khai tử đạt 89,4%, Đăng ký kết hôn đạt 93,2%.

Cùng với cải cách TTHC, ngành Tư pháp tỉnh Quảng Trị đặc biệt quan tâm sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Sau khi sáp nhập tỉnh và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, chức năng, nhiệm vụ của các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Tư pháp tiếp tục được rà soát, phân định rõ ràng, đảm bảo rõ chức năng, nhiệm vụ, tránh chồng chéo, trùng lặp. Công tác xây dựng đội ngũ công chức, viên chức

ngành tư pháp được chú trọng; kỹ năng hành chính, kỹ năng giao tiếp, ứng xử và kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường; tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ Nhân dân của đội ngũ công chức tư pháp từng bước được nâng lên.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác CCHC trong ngành Tư pháp tỉnh Quảng Trị vẫn còn một số hạn chế nhất định. Việc ứng dụng công nghệ thông tin ở một số lĩnh vực, địa bàn chưa đồng đều; hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số còn hạn chế. Đối với đội ngũ công chức tư pháp, trong bối cảnh tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và sau khi thực hiện sáp nhập địa giới hành chính giữa hai tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị (cũ), yêu cầu về năng lực, khối lượng công việc và phạm vi quản lý tăng lên rõ rệt. Ở cấp cơ sở, công chức tư pháp – hộ tịch phải đảm nhiệm địa bàn rộng hơn, dân số đông hơn, tính chất vụ việc đa dạng, phức tạp hơn; trong khi đó, nguồn nhân lực còn hạn chế. Bên cạnh đó, một bộ phận công chức còn gặp khó khăn trong việc thích ứng với yêu cầu mới, nhất là về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử. Áp lực công việc lớn nhưng điều kiện bảo đảm (trang thiết bị, hạ tầng số, đào tạo chuyên sâu) ở một số nơi chưa đáp ứng kịp thời cũng là yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ giải quyết công việc.

Bước vào giai đoạn phát triển mới, trong bối cảnh cả nước đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ số, chính quyền số, xã hội số, công tác CCHC trong ngành Tư pháp tỉnh Quảng Trị đứng trước những yêu cầu ngày càng cao. Đó là, CCHC phải thực sự lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Mọi cải cách về thể chế, TTHC, tổ chức bộ máy đều phải hướng đến mục tiêu cuối cùng là nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức khi tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp. Thứ hai, CCHC phải gắn chặt với nhiệm vụ xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật. Không chỉ dừng lại ở việc đơn giản hóa thủ tục, mà còn phải bảo đảm pháp luật được thực thi nghiêm minh, thống nhất, kịp thời, hiệu quả. Đồng thời, CCHC trong ngành Tư pháp phải đi đôi với chuyển đổi số toàn diện, khai thác hiệu quả các nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung, hướng tới cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp mọi lúc, mọi nơi, an toàn, thuận tiện.

Để tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ CCHC trong thời gian tới, ngành Tư pháp tỉnh Quảng Trị luôn xác định thực hiện tốt các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực Tư pháp. Đó là:

**Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng xây dựng văn bản QPPL.** Một trong những giải pháp then chốt là tiếp tục nâng cao chất lượng công tác tham mưu xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản QPPL. Cần tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quy trình xây dựng văn bản; đẩy mạnh đánh giá tác động chính sách; chú trọng công tác rà soát, hệ thống hóa, pháp điển hóa văn bản QPPL để kịp thời phát hiện, xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, không còn phù hợp. Đặc biệt, là việc tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật trong giai đoạn mới, xác định đây là định hướng quan trọng, có tính chiến lược đối với ngành Tư pháp. Trên cơ sở đó, chủ động tham mưu cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; gắn công tác xây dựng pháp luật với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Trong đó, Ngành Tư pháp tiếp tục phát huy tốt vai trò “gác cổng” về mặt pháp lý, bảo đảm các chính sách, quy định của tỉnh khi ban hành đều hợp hiến, hợp pháp, khả thi, phù hợp với thực tiễn địa phương. Đồng thời, nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, đưa các quy định của pháp luật đi vào cuộc sống một cách thực chất, đồng bộ và hiệu quả. Qua đó, chuyển mạnh từ tư duy quản lý sang kiến tạo phát triển thông qua pháp luật, lấy pháp luật làm công cụ dẫn dắt, khơi thông nguồn lực và tạo lập môi trường phát triển bền vững cho địa phương.

**Thứ hai, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công.** Trong đó, tiếp tục rà soát, đơn giản hóa TTHC trong các lĩnh vực tư pháp theo hướng tăng cường sử dụng dữ liệu điện tử; chuẩn hóa quy trình điện tử giải quyết TTHC; tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc giải quyết TTHC; kịp thời chấn chỉnh, xử lý các hành vi gây phiền hà, những nhiễu cho người dân, doanh nghiệp.

**Thứ ba, thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành Tư pháp.** Chuyển đổi số được xác định

là khâu đột phá trong CCHC giai đoạn hiện nay. Ngành Tư pháp tỉnh Quảng Trị tiếp tục đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn, an ninh mạng; nâng cao tỷ lệ cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Đồng thời, đẩy mạnh việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; khai thác, kết nối hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành, đặc biệt là cơ sở dữ liệu hộ tịch, công chứng, chứng thực, đất đai, dân cư... Qua đó, từng bước hình thành hệ sinh thái số trong lĩnh vực tư pháp, phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

**Thứ tư, xây dựng đội ngũ công chức tư pháp chuyên nghiệp, tận tâm.** Yếu tố con người giữ vai trò quyết định trong thành công của CCHC. Vì vậy, cần tiếp tục chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức tư pháp cả về chuyên môn pháp lý, kỹ năng hành chính và đạo đức công vụ. Đồng thời, đổi mới công tác đánh giá cán bộ gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có sáng kiến, cách làm hay; đồng thời kiên quyết xử lý những trường hợp vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

**Thứ năm, tăng cường phối hợp, kiểm tra, giám sát và truyền thông cải cách hành chính.** CCHC trong ngành Tư pháp không thể tách rời sự phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, địa phương. Cần tăng cường cơ chế phối hợp liên thông trong giải quyết TTHC, chia sẻ dữ liệu, thông tin; đồng thời đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện CCHC ở các cấp. Bên cạnh đó, cần chú trọng công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC để người dân, doanh nghiệp hiểu rõ, đồng hành và giám sát quá trình thực hiện; qua đó tạo sự đồng thuận xã hội và động lực cải cách bền vững.

Nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính trong ngành Tư pháp tỉnh Quảng Trị là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược lâu dài. Với quyết tâm chính trị cao, sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, cùng sự nỗ lực, đổi mới không ngừng của toàn ngành Tư pháp, công tác CCHC thời gian tới chắc chắn sẽ đạt được những kết quả tích cực, thực chất hơn. Tin tưởng rằng, với những giải pháp đồng bộ, phù hợp, ngành Tư pháp tỉnh Quảng Trị sẽ tiếp tục khẳng định vai trò nòng cốt trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, góp phần xây dựng nền hành chính phục vụ, hiện đại, minh bạch, vì Nhân dân, vì sự phát triển bền vững của quê hương Quảng Trị anh hùng.

# NHẬN DIỆN VÀ ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, XUYÊN TẠC CUỘC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP TRONG TÌNH HÌNH MỚI

■ ĐOÀN THỊ PHƯƠNG

*Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị*

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp là sự kiện chính trị trọng đại, là ngày hội của toàn dân, nơi thể hiện cao nhất quyền làm chủ của Nhân dân trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thành công của cuộc bầu cử là minh chứng sống động cho tính ưu việt của chế độ, sự ổn định chính trị, niềm tin và trách nhiệm của Nhân dân đối với đất nước.

**Đối với những luận điệu xuyên tạc xung quanh việc Đảng lãnh đạo công tác bầu cử.**

Trước hết, cần khẳng định rõ: sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bầu cử ở Việt Nam là tất yếu khách quan, hợp hiến, hợp pháp và phù hợp với đặc điểm của chế độ chính trị nước ta, chứ không phải là sự “áp đặt” hay “tước đoạt quyền dân chủ” như các thế lực thù địch xuyên tạc. Hơn thế, Đảng lãnh đạo chính là nhân tố quyết định bảo đảm sự thành công của các cuộc bầu cử. 15 khóa bầu cử đã diễn ra thành công tốt đẹp dưới sự lãnh đạo của Đảng trong suốt 80 năm qua là minh chứng sinh động khẳng định về vai trò lãnh đạo của Đảng.

Điều 4 Hiến pháp năm 2013 sửa đổi, bổ sung năm 2025 quy định: “Đảng Cộng sản Việt Nam... là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội”<sup>(1)</sup>. Đây là nguyên tắc hiến định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam một cách toàn diện, bao quát. Bầu cử với tư cách là một hoạt động chính trị - pháp lý quan trọng bậc nhất của Nhà nước dĩ nhiên không thể nằm ngoài sự lãnh đạo đó. Như vậy, việc Đảng lãnh đạo công tác bầu cử là hoàn toàn hợp hiến, hợp pháp. Xét về bản chất “Đảng lãnh đạo” không mâu thuẫn với “Nhân dân làm chủ”. Đảng lãnh đạo để định hướng tiêu chuẩn,

ơ cấu nhằm đảm bảo Quốc hội thực sự là hình ảnh thu nhỏ của khối đại đoàn kết toàn dân có đủ đại diện và đảm bảo quyền lợi hài hòa giữa các vùng miền, giai tầng, dân tộc, tôn giáo... Nếu không có sự lãnh đạo, định hướng thống nhất, cuộc bầu cử dễ rơi vào tình trạng vô chính phủ, bị thao túng bởi các nhóm lợi ích hoặc bị chi phối bởi các tập đoàn tài chính lớn đứng phía sau các ứng viên như thường thấy ở một số quốc gia phương Tây.

Về quy trình bầu cử thì Đảng sẽ giới thiệu người ứng cử nhưng không thay dân bầu cử. Ngay từ Sắc lệnh số 14-SL, ngày 8-9-1945 - sắc lệnh đầu tiên về nguyên tắc bầu cử ở Việt Nam được Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành - đã nêu rõ: “Mở cuộc Tổng tuyển cử để bầu Quốc dân đại hội” và “Quốc dân đại hội bầu theo lối phổ thông đầu phiếu cử lên”<sup>(2)</sup>. Tinh thần dân chủ ngay từ bản Hiến pháp và sắc lệnh về bầu cử đầu tiên của Nhà nước ta tiếp tục được kế thừa và phát triển về sau này. Quyền quyết định tối cao thuộc về cử tri, được thực hiện bằng lá phiếu kín, bình đẳng và trực tiếp, không chịu bất kỳ sự cưỡng ép pháp lý nào. Không tồn tại điều luật nào buộc Nhân dân phải bầu cho người do Đảng giới thiệu; ngược lại, thực tiễn bầu cử đã nhiều lần bác bỏ luận điệu “Đảng sắp xếp hết” khi không ít người được giới thiệu không trúng cử, trong khi một số người tự ứng cử vẫn trúng cử nếu được cử tri tín nhiệm. Những sự thật hiển nhiên ấy cho thấy: sự lãnh đạo của Đảng không triệt tiêu quyền lựa chọn của Nhân dân, mà tạo lập khuôn khổ chính trị cần thiết để quyền làm chủ được thực thi một cách ổn định, có định hướng và có trách nhiệm. Còn việc quy chụp Quốc hội Việt Nam là “Hội

ngợi đảng viên mở rộng” thực chất chính là sự xuyên tạc ác ý, cố tình bóp méo bản chất sự thật. Sự thật là đảng viên trúng cử không phải vì mang thẻ đảng, mà vì đáp ứng các tiêu chuẩn do pháp luật quy định và được cử tri trực tiếp tín nhiệm bằng lá phiếu của mình. Khi đã trở thành đại biểu Quốc hội, họ hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước; là người thay mặt Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước trong Quốc hội.

### **Đối với những luận điệu xuyên tạc về cơ chế hiệp thương**

Các thế lực thù địch cố tình cắt xén, bóp méo quy trình hiệp thương, lờ đi các hội nghị lấy ý kiến cử tri để tung ra luận điệu xuyên tạc, từ đó, chúng phủ nhận vai trò đại diện, tập hợp và phản ánh ý chí, nguyện vọng Nhân dân của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, xuyên tạc Mặt trận thành “cánh tay nối dài của Đảng”, làm sai lệch bản chất dân chủ của cơ chế hiệp thương, rằng hiệp thương là “chia ghế từ trước”, bầu cử chỉ mang tính hình thức; thậm chí quy chụp đây là cơ chế “sàng lọc chính trị”, loại bỏ người không cùng quan điểm.

Thực tế, hiệp thương không quyết định ai trúng cử, mà là khâu chuẩn bị dân chủ nhằm bảo đảm người ứng cử đáp ứng tiêu chuẩn và có tín nhiệm bước đầu của cử tri. Quyền quyết định cuối cùng hoàn toàn thuộc về Nhân dân thông qua lá phiếu. Nếu hiệp thương là “ấn định sẵn”, thì đã không tồn tại thực tế nhiều người được hiệp thương giới thiệu nhưng vẫn không trúng cử. Việc một ứng cử viên không có tên trong danh sách cuối cùng không xuất phát từ quan điểm chính trị cá nhân, mà do không đạt tỷ lệ tín nhiệm cần thiết hoặc không đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn theo luật định.

Hiện nay, quy trình hiệp thương được quy định trong Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND; Nghị quyết liên tịch số 102/2025/NQLT-UBTVQH15-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam hướng dẫn quy trình hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 – 2031. Theo đó, quy trình gồm 3 vòng 5 bước hiệp thương bảo đảm tính dân chủ, công khai và minh bạch. Trong đó, hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi cư trú là khâu then chốt, phản ánh trung thực nhất mức độ tín nhiệm xã hội. Dù giữ cương vị nào, nếu không gương mẫu, không được Nhân dân nơi cư trú tin tưởng thì

cũng không thể vượt qua vòng này. Đây chính là bằng chứng rõ ràng cho thấy hiệp thương không làm thay quyền Nhân dân, mà tạo điều kiện để Nhân dân trực tiếp tham gia, giám sát và quyết định chất lượng người ứng cử.

### **Đối với những luận điệu kích động tẩy chay bầu cử, phá hoại bầu cử**

Khi các chiêu bài trên không đạt hiệu quả như mong muốn, các thế lực phản động chuyển sang kích động cực đoan nhằm phá hoại bầu cử, kêu gọi người dân không đi bầu như một hình thức “phản đối”. Khi đứng trước những luận điệu được ngụy trang dưới chiêu bài “quyền tự do cá nhân”, mỗi công dân Việt Nam hãy luôn tỉnh táo, sáng suốt để nhìn thấu bản chất sự việc. Việc không đi bầu cử hay tẩy chay bầu cử không phải “quyền công dân” mà đó chính là hành vi vô trách nhiệm, vi phạm pháp luật bởi quyền bầu cử không chỉ là quyền lựa chọn, mà còn gắn liền với trách nhiệm chính trị đối với cộng đồng và Nhà nước.

Luật pháp Việt Nam luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi công dân đủ tiêu chuẩn tham gia ứng cử. Trong mỗi kỳ bầu cử đều có những người tự ứng cử trúng cử và hoạt động rất tốt. Tuy nhiên, cần phân biệt rõ giữa “người tự ứng cử chân chính” là người có tâm, có tài, muốn cống hiến và “kẻ lợi dụng tự ứng cử” với mục đích là để gây rối. Những kẻ tự xưng là “nhà dân chủ” thường có hồ sơ không rõ ràng, vi phạm các quy định của pháp luật, hoặc có sự giật dây của các tổ chức phản động. Việc loại bỏ những hồ sơ không đạt chuẩn này chính là hành động bảo vệ sự tôn nghiêm của pháp luật và chất lượng của cơ quan quyền lực nhà nước, chứ không phải là mất dân chủ.

Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc cuộc bầu cử không chỉ là nhiệm vụ trước mắt, mà là cuộc chiến lâu dài trên mặt trận tư tưởng, đòi hỏi sự tỉnh táo chính trị, bản lĩnh vững vàng và trí tuệ khoa học của cả hệ thống chính trị. Trong bối cảnh các thế lực thù địch ngày càng sử dụng thủ đoạn tinh vi để phá hoại cuộc bầu cử thì việc nhận diện đúng, phản bác kịp thời và thuyết phục các luận điệu sai trái có ý nghĩa quyết định trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và quyền làm chủ thực chất của Nhân dân.

#### *Chú thích:*

(1) Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

(2) Hồ Chí Minh: Biên niên tiểu sử, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tập 3, tr.8.

# Bàn về một số quy định về thủ tục công chứng di chúc cho người không biết chữ, người đọc chậm, viết chậm

■ TUYẾT HÀ

**D**i chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết. Việc lập di chúc là một quyền quan trọng của mỗi cá nhân để định đoạt tài sản của mình sau khi qua đời. Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS), người lập di chúc là người thành niên phải có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình. Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi được lập di chúc, nếu được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý về việc lập di chúc. Di chúc phải được lập thành văn bản; nếu không thể lập được di chúc bằng văn bản thì có thể di chúc miệng.

Người lập di chúc có quyền: (i) Chỉ định người thừa kế; truất quyền hưởng di sản của người thừa kế; (ii) Phân định phần di sản cho từng người thừa kế; (iii) Dành một phần tài sản trong khối di sản để di tặng, thờ cúng; (iv) Giao nghĩa vụ cho người thừa kế; (v) Chỉ định người giữ di chúc, người quản lý di sản, người phân chia di sản.

Di chúc hợp pháp phải có đủ các điều kiện sau: (i) Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép; (ii) Nội dung của di chúc không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của luật. Di chúc của người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi phải được lập thành văn bản và phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý về việc lập di chúc. Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ phải được người làm chứng lập thành văn

bản và có công chứng hoặc chứng thực.

Như vậy, một người bị hạn chế về thể chất hoặc không biết chữ có thể lập di chúc với điều kiện phải có người làm chứng và phải được lập thành văn bản. Di chúc của người không biết chữ hoặc không thể ký tên vẫn hoàn toàn có thể được công chứng hoặc chứng thực và có giá trị pháp lý nếu tuân thủ đúng các thủ tục được pháp luật quy định. Điều này nhằm đảm bảo quyền lợi của mọi công dân, kể cả những người bị hạn chế về khả năng đọc viết. Theo đó, di chúc của người không biết chữ phải được người làm chứng lập thành văn bản và có công chứng/chứng thực theo quy định. Mọi người đều có thể làm chứng cho việc lập di chúc, trừ những người sau đây: Người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của người lập di chúc; người có quyền, nghĩa vụ tài sản liên quan tới nội dung di chúc; người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Đối với di chúc thực hiện qua tổ chức hành nghề công chứng, Điều 49 Luật Công chứng quy định về điều kiện người yêu cầu công chứng, người làm chứng. Theo đó, Người yêu cầu công chứng là cá nhân phải có năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch mà mình thực hiện. Người yêu cầu công chứng phải xuất trình đủ giấy tờ cần thiết liên quan đến việc công chứng và chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của các giấy tờ đó. Trường hợp người yêu cầu công chứng không đọc được hoặc không nghe được hoặc không ký được và không điếm

chỉ được hoặc trong trường hợp khác do pháp luật quy định thì việc công chứng phải có người làm chứng.

Người làm chứng do người yêu cầu công chứng mời hoặc do công chứng viên chỉ định nếu người yêu cầu công chứng không mời được; trường hợp công chứng viên không chỉ định được người làm chứng thì từ chối công chứng. Người làm chứng phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc trường hợp phải có người làm chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Công chứng và không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến việc công chứng. Người làm chứng phải trực tiếp chứng kiến việc công chứng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình.

Việc lập di chúc tại tổ chức hành nghề công chứng phải tuân theo thủ tục quy định tại Điều 636 BLDS như sau:

- Người lập di chúc tuyên bố nội dung của di chúc trước công chứng viên. Công chứng viên phải ghi chép lại nội dung mà người lập di chúc đã tuyên bố. Người lập di chúc ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc sau khi xác nhận bản di chúc đã được ghi chép chính xác và thể hiện đúng ý chí của mình. Công chứng viên ký vào bản di chúc.

- Trường hợp người lập di chúc không đọc được hoặc không nghe được bản di chúc, không ký hoặc không điểm chỉ được thì phải nhờ người làm chứng và người này phải ký xác nhận trước mặt công chứng viên. Công chứng viên chứng nhận bản di chúc trước mặt người lập di chúc và người làm chứng.

Đồng thời tại Điều 50, Luật Công chứng đã quy định về ký, điểm chỉ trong văn bản công chứng: Người yêu cầu công chứng, người làm chứng phải ký vào từng trang của giao dịch trước sự chứng kiến trực tiếp của công chứng viên, trừ trường hợp người yêu cầu công chứng không ký được và không điểm chỉ được. Việc ký văn bản công chứng trước sự chứng kiến của công chứng viên phải được chụp ảnh và lưu trữ trong hồ sơ công chứng. Việc điểm chỉ được thay thế việc ký trong trường hợp người yêu cầu công chứng, người làm chứng không ký được. Khi điểm chỉ, người yêu cầu công chứng, người làm chứng sử dụng vân tay của ngón trở phải; nếu không sử dụng được vân tay của ngón trở phải thì sử dụng vân tay của ngón trở trái; trường hợp không thể sử dụng vân tay của 02 ngón trở đó thì sử dụng vân tay của ngón khác và công chứng viên phải ghi rõ trong lời chứng việc người yêu cầu công

chứng, người làm chứng sử dụng vân tay của ngón nào, của bàn tay nào để điểm chỉ.

Công chứng viên không được công chứng đối với di chúc nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: (1) Người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của người lập di chúc; (2) Người có cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con là người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật; (3) Người có quyền, nghĩa vụ về tài sản liên quan tới nội dung di chúc (Điều 637 BLDS).

Người lập di chúc không được ủy quyền cho người khác mà phải tự mình ký hoặc ký và điểm chỉ vào bản di chúc được công chứng. Trường hợp người lập di chúc không ký được và không điểm chỉ được thì việc lập di chúc phải có người làm chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Công chứng (Điều 58 Luật Công chứng).

Như vậy, việc công chứng di chúc cho người không đọc được hoặc không nghe được hoặc không ký được và không điểm chỉ được thì phải có người làm chứng.

Thực tiễn cho thấy, bên cạnh những người không đọc được hoặc không nghe được hoặc không ký được và không điểm chỉ được thì phải có người làm chứng, thì vẫn có những trường hợp người yêu cầu công chứng có năng lực hành vi dân sự nhưng đọc chậm, viết chậm. Về nguyên tắc trường hợp này người yêu cầu công chứng vẫn đọc được, viết được nên vẫn thực hiện công chứng bình thường như các trường hợp khác. Nhưng vẫn có công chứng viên cho rằng mặc dù pháp luật không quy định nhưng đối với những trường hợp này nên cho mời người làm chứng. Như vậy, đối với trường hợp này, việc có người làm chứng hay không tùy thuộc vào ý chí của công chứng viên khi tiếp nhận vụ việc. Thiết nghĩ trong trường hợp này, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu công chứng nếu người yêu cầu công chứng mời người làm chứng thì công chứng viên căn cứ vào quy định của pháp luật có liên quan để hướng dẫn người lập di chúc thực hiện ý chí của mình đảm bảo khách quan và phù hợp với pháp luật. Mặt khác cơ quan có thẩm quyền nên sửa đổi quy định của Luật Công chứng linh hoạt hơn cho phép người yêu cầu công chứng mời người làm chứng trong trường hợp người yêu cầu công chứng đọc chậm, viết chậm nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu công chứng nếu họ cảm thấy cần thiết.

# THẨM QUYỀN MỚI CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG KHỞI KIẾN VỤ ÁN DÂN SỰ BẢO VỆ LỢI ÍCH CÔNG NHÓM DỄ BỊ TỔN THƯƠNG

■ **TRẦN THỊ THU HIỀN**  
*Phòng 9, Viện KSND tỉnh*

**T**rong thực tiễn, nhiều hành vi xâm phạm lợi ích công hoặc quyền, lợi ích hợp pháp của nhóm dễ bị tổn thương không được xử lý kịp thời do không có người khởi kiện hoặc người bị xâm phạm không đủ điều kiện, khả năng tự khởi kiện. Ngày 24 tháng 6 năm 2025, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 205/2025/QH15 về thí điểm viện kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ lợi ích công và công lý cho người yếu thế (có hiệu lực từ 01/01/2026). Nghị quyết đã mở ra một hướng mới để Viện kiểm sát nhân dân đứng ra khởi kiện, bảo vệ lợi ích chung của Nhà nước, của cộng đồng và những người yếu thế trong xã hội. Việc Quốc hội ban hành Nghị quyết số 205/2025/QH15 đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) chủ động hơn trong bảo vệ lợi ích chung của Nhà nước, xã hội và các nhóm yếu thế.

Theo Nghị quyết 205/2025/QH15, VKSND thực hiện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể là nhóm dễ bị tổn thương, bảo vệ lợi ích công sau khi thông báo, kiến nghị với cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, trách nhiệm khởi kiện nhưng không có người khởi kiện thì Viện kiểm sát khởi kiện.

*Nhóm dễ bị tổn thương* gồm trẻ em theo quy định của Luật Trẻ em, người cao tuổi theo quy định của Luật Người Cao tuổi, người khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật, phụ nữ mang thai hoặc đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật Dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và người

dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật. Đây là những đối tượng thường gặp nhiều rào cản trong việc tiếp cận pháp luật, hạn chế về điều kiện kinh tế, sức khỏe, nhận thức hoặc khả năng tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

*Lợi ích công trong các lĩnh vực:* đầu tư công, đất đai, tài nguyên, tài sản công khác, môi trường, hệ sinh thái, di sản văn hóa; an toàn thực phẩm, dược phẩm, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Trong các trường hợp nêu trên, khi tiếp nhận thông tin, phản ánh, qua xác minh, thu thập tài liệu, nếu xét thấy có dấu hiệu xâm phạm nghiêm trọng quyền, lợi ích hợp pháp của nhóm dễ bị tổn thương, lợi ích công. VKSND có quyền kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, đồng thời xem xét thực hiện các thẩm quyền tiếp theo theo quy định của pháp luật và tinh thần Nghị quyết số 205/2025/QH15.

*Trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức*  
Để thực hiện hiệu quả Nghị quyết 205/2025/QH15, các cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương có trách nhiệm chủ động phối hợp với VKSND, kịp thời cung cấp thông tin, tài liệu, hồ sơ liên quan khi phát hiện hoặc biết về hành vi xâm phạm lợi ích công hoặc quyền, lợi ích hợp pháp của nhóm dễ bị tổn thương.

*Quyền yêu cầu hỗ trợ của người dân*  
Người dân, tổ chức khi phát hiện hành vi xâm phạm lợi ích công hoặc quyền, lợi ích hợp pháp của  
*(Xem tiếp trang 28)*

# Mùa xuân tuổi trẻ từ bản làng La Lay

■ THÙY TRANG  
Chi đoàn Sở Tư pháp

**Chúng tôi mang sức trẻ, kiến thức, lòng nhiệt huyết đến hỗ trợ bà con dân bản. Và họ - những người dân chất phác nơi miền sơn cước La Lay - bằng những nụ cười niềm nở, những tình cảm chân thành và tình quân - dân gắn bó keo sơn, đã cho chúng tôi những cảm xúc, trải nghiệm ý nghĩa và quý báu để trưởng thành...**

Những ngày đầu năm 2026, khi tiếp nhận Kế hoạch tổ chức chương trình “Xuân Biên giới năm 2026” tại xã La Lay của Ban Thường vụ Đoàn UBND tỉnh Quảng Trị, trong mỗi thành viên của Ban Chấp hành Chi đoàn cơ sở Sở Tư pháp (BCH Chi đoàn) đều dâng lên niềm xúc động và sự thôi thúc đặc biệt. Bởi lẽ, tuổi trẻ Chi đoàn luôn nhận thức rằng, trong bối cảnh tình nhà vừa được sắp xếp, kiện toàn theo đơn vị hành chính mới, càng cần có những hoạt động nhân văn để bồi đắp tinh thần sẻ chia, gắn bó với cộng đồng, nhất là đối với trẻ em vùng biên còn nhiều khó khăn, chúng tôi luôn ấp ủ tổ chức một hoạt động thật ý nghĩa, thiết thực để vừa góp phần gắn kết đoàn viên, lan tỏa tinh thần trách nhiệm, vừa hướng về nơi phen dậu của tỉnh nhà bằng những việc làm cụ thể. Từ ống kính của đội đi tiền trạm, hình ảnh các em nhỏ vùng biên đến lớp từ tờ mờ sáng, khoác trên mình những bộ quần áo đã sờn cũ, những bữa sáng còn đạm bạc và điều kiện sinh hoạt thiếu thốn đã để lại cho chúng tôi nhiều niềm trăn trở. BCH Chi đoàn đã bàn bạc, thống nhất phát động chương trình quyên góp thú nhồi bông đã được giặt sạch, truyện tranh, đồ chơi còn sử dụng tốt và đồ dùng học tập dành tặng các em nhỏ xã La Lay trong khuôn khổ chương trình “Xuân Biên giới năm 2026”.

Một trong những điểm mới của hoạt động lần này là biết nhìn thẳng vào thực tế tổ chức để đổi mới phương thức triển khai hoạt động. Nếu như trước đây, đặc điểm chi đoàn có số lượng đoàn viên nữ chiếm đa số, nhiều đồng chí đang trong độ tuổi sinh con, nuôi con nhỏ thường được nhìn nhận là một khó khăn nhất định trong tổ chức hoạt động Đoàn, thì lần này, BCH Chi đoàn đã biến những khó khăn khách quan đó thành lợi thế đặc biệt để khơi dậy tinh thần sẻ chia và kết nối yêu thương. Chính từ sự gắn gũi với trẻ em, sự thấu hiểu nhu cầu của các em nhỏ và điều kiện sẵn có trong mỗi gia đình đoàn viên, phong trào đã nhanh chóng nhận được sự đồng tình, hưởng ứng tích cực. Cách làm này không chỉ tận dụng hiệu quả nguồn lực sẵn có trong đoàn viên, mà còn biến “điểm yếu” về cơ cấu tổ chức Chi đoàn thành “điểm mạnh” trong tổ chức hoạt động tình nguyện, tạo nên một chiến dịch quyên góp vừa thiết thực, gắn gũi, vừa giàu tính nhân văn. Điều khiến chúng tôi xúc động hơn cả là chương trình nhanh chóng nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình không chỉ từ đoàn viên Chi đoàn, mà còn lan tỏa mạnh mẽ trong toàn thể công chức, viên chức, người lao động của toàn Sở và cả các cháu thiếu niên, nhi đồng. Từ những tấm lòng vàng ấy, các đoàn viên thanh niên đã phân loại, đóng gói được 10 bao túi gấu bông, 01 thùng

sách truyện và 150 quyển vở mới. Trong những món quà gửi về có cả những hộp màu, cây bút, chiếc thước, tập vở còn thơm mùi giấy mới mà các bạn nhỏ mua từ tiền tiết kiệm heo đất; có cả những chiếc kẹp tóc xinh xắn và những mảnh giấy nhỏ ghi lời nhắn ngậy thơ, đáng yêu gửi đến bạn bè nơi miền núi xa xôi. Mang theo tất cả tình yêu thương, niềm hy vọng của đoàn viên, đồng nghiệp và các em nhỏ, đội tình nguyện của Chi đoàn cơ sở Sở Tư pháp gói ghém hành trang, lên đường đến với xã La Lay.

Chuyến xe bắt đầu lăn bánh khi bình minh còn chưa kịp ló rạng, đưa bàn tay ra trước mặt cũng khó lòng nhìn rõ năm đầu ngón. Con đường dẫn đến La Lay quanh co uốn lượn như dải lụa vắt mình những ngọn đồi núi rừng Trường Sơn hùng vĩ. Sương sớm còn giăng kín lối, núi non ẩn hiện trong làn mây trắng bằng lăng; gió mang theo cái se lạnh và mùi ngai ngái rất riêng của đất rừng. Chiếc xe chở đoàn tình nguyện chậm chậm men theo đoạn đường đang sửa chữa, gồ ghề và xóc nảy. Sau hơn bốn giờ đồng hồ di chuyển, La Lay hiện ra trước mắt chúng tôi mộc mạc và bình yên đến lạ. Những ngôi nhà nép mình bên triền núi, những con suối nhỏ róc rách chảy qua bản làng, xa xa là ánh nắng vàng ươm xuyên qua cánh rừng già. Là xã biên giới còn nhiều khó khăn của tỉnh Quảng Trị, La Lay có đường biên giới dài hơn 22km, gồm 16 thôn với 1.745 hộ, hơn 8.100 nhân khẩu; trong đó đồng bào Pa Kô, Vân Kiều chiếm trên 90%. Tỷ lệ hộ nghèo còn cao, chiếm 33,4%, cận nghèo gần 25%. Cuộc sống nơi đây còn bộn bề thiếu thốn, nhưng dường như thiên nhiên đã ưu ái bù đắp cho con người bằng sự khoáng đạt, hiền hòa và chân chất.

Chúng tôi đến La Lay với tinh thần của tuổi trẻ sẵn sàng cống hiến. Hành trang là trái tim đầy nhiệt huyết với những túi quà Tết, sách vở, thuốc men, vật dụng sinh hoạt và những kế hoạch được chuẩn bị chu đáo từ trước. Vừa xuống xe, mọi người đã nhanh chóng bắt tay vào công việc. Ai nấy đều thấm mệt sau chặng đường dài, nhưng khi bắt gặp những ánh mắt ngậy thơ hồn nhiên của lũ trẻ, những nụ cười hiền hậu của bà con dân bản, sự mệt mỏi dường như tan biến.

Đoàn được chia thành nhiều đội hình: đội khám, chữa bệnh miễn phí tại Trạm Y tế; đội cắt tóc cho thiếu nhi và người dân địa phương; đội thăm, tặng quà, động viên cán bộ, chiến sĩ Đồn Biên phòng La Lay và tham gia tuyên truyền về chủ quyền biên giới cho đoàn viên thanh niên địa phương; đội tổ chức gian hàng “0 đồng”; đội tư vấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi; đội vệ sinh môi trường. Tất cả hoạt động nhịp nhàng theo đúng kế hoạch phân công. Công việc không hề nhẹ, nhưng không một ai kêu ca, bởi mỗi giọt mồ hôi rơi xuống đều mang theo niềm vui được góp sức, được sống trọn vẹn với ý nghĩa của hai chữ “cống hiến”.

Khi chúng tôi đến khu vực trao quà, các em nhỏ vừa tan học. Phần lớn là con em đồng bào dân tộc, nước da sạm nắng, quần áo còn sờn cũ, nhưng đôi mắt thì trong veo, ánh lên niềm vui khi cầm trên tay cuốn vở mới hay quyển truyện tranh đầy màu sắc. Các em ê a đọc từng dòng chữ, cười khúc khích khi phát âm chưa tròn tiếng. Có em mân mê hai bím tóc của con búp bê nhỏ, rụt rè nắm tay tôi, lí nhí hỏi: “*Đồ chơi đẹp quá! Mai mốt anh chị lên, mang cho chúng em nữa nhé! Em bé ở nhà chắc sẽ thích lắm ạ*”. Câu nói giản dị ấy khiến lòng chúng tôi chùng xuống, nhưng đồng thời cũng thắp lên trong mỗi người một khát khao mãnh liệt: được trở lại La Lay thêm nhiều lần nữa.

Khát khao ấy càng bùng lên mạnh mẽ trong đêm giao lưu văn nghệ và đốt lửa trại. Những tiết mục do đoàn viên Đoàn UBND tỉnh, các đơn vị đồng hành, các chiến sĩ Đồn Biên phòng và chính đoàn viên xã La Lay biểu diễn, xoay quanh chủ đề quê hương, đất nước, đã nhận được sự cổ vũ nồng nhiệt của bà con dân bản. Khi hai tiếng “Việt Nam” vang lên trên sân khấu, dưới khán đài, không ai bảo ai, bà con và các chiến sĩ cùng hô vang, vỗ tay, nắm tay nhau, đưa ánh đèn pin sáng đong đưa theo nhịp nhạc, tạo nên một “biển đèn” lung linh giữa núi rừng chẳng thua kém bất kỳ một buổi gặp gỡ thần tượng nào cả. Sau tiết mục múa “*Một vòng Việt Nam*”, một đoàn viên Chi đoàn cơ sở Sở Tư pháp đã nói với bà con bằng tất cả cảm xúc chân thành: “*Chúng tôi chưa có cơ hội đi trọn một vòng Việt Nam, nhưng hôm nay, khi lần*

đầu tiên đến La Lay, các bạn đoàn viên chắc chắn đã được sống trong khoảnh khắc hạnh phúc trọn vẹn nhất - khoảnh khắc của tình yêu nước nồng nàn, của tình quân dân đoàn kết, gắn bó keo sơn nơi miền biên giới này”.

Sau chương trình, bên ánh lửa bập bùng, bà con lại kể cho chúng tôi nghe về những mùa mưa lũ, những ngày giáp hạt, về hành trình bám đất, bám rừng để giữ làng, giữ bản. Những câu chuyện mộc mạc, không hoa mỹ, nhưng chất chứa biết bao nghị lực và niềm tin vào ngày mai. Trong những năm tháng khó khăn ấy, các chiến sĩ biên phòng không chỉ là người giữ gìn bình yên nơi phen dầu Tổ quốc, mà còn là điểm tựa vững chắc của bà con: cùng làm rẫy, sửa nhà, chống chọi thiên tai, sẻ chia từng bữa cơm, từng ngụm nước. Tình quân - dân vì thế mà bền chặt, tự nhiên như máu thịt. Chúng tôi - những người trẻ - đến La Lay với mong muốn giúp đỡ, nhưng càng ở lâu, càng nhận ra rằng mình đã được nhận lại rất nhiều. Đó là bài học về sự sẻ chia, về cách sống chậm, sống sâu và trân trọng những điều tưởng chừng nhỏ bé. La Lay không chỉ là điểm đến, mà còn là mạch nguồn nuôi dưỡng tâm hồn, tiếp thêm động lực để chúng tôi tiếp tục cống hiến cho công tác chuyên môn, cho công tác Đoàn và

phong trào thanh thiếu niên trong thời gian tới.

Để những dư âm đẹp ấy không dừng lại ở một chuyến đi, sau hành trình ấy, Chi đoàn đã tổ chức một buổi sinh hoạt, gặp mặt để đoàn tình nguyện chia sẻ lại những tình cảm, những câu chuyện xúc động và những khoảnh khắc đẹp tại La Lay với toàn thể đoàn viên. Chính từ sự sẻ chia đó, hình ảnh về một chuyến đi nghĩa tình tiếp tục được lan tỏa, hun đúc thêm tinh thần đoàn kết, trách nhiệm và niềm tự hào của tuổi trẻ Chi đoàn. Mùa xuân năm 2026 ấy đã không chỉ hiện hữu trong sắc nắng vàng nơi núi rừng biên giới, mà còn đọng lại trong ánh mắt hồn nhiên của các em nhỏ, trong nụ cười chân chất của bà con dân bản và trong những cảm xúc chân thành của tuổi trẻ trên hành trình sẻ chia, cống hiến. Chuyến đi rồi khép lại, nhưng dư âm của “mùa xuân tuổi trẻ” vẫn tiếp tục lan tỏa từ bản làng La Lay về mỗi cơ quan, mỗi gia đình, mỗi tấm lòng biết yêu thương và trách nhiệm với cộng đồng. Từ hoạt động ý nghĩa ấy, chúng tôi càng nhận ra rằng, chỉ cần còn giữ vững ngọn lửa nhiệt huyết, tinh thần xung kích và trách nhiệm vì cộng đồng, thì tuổi trẻ hôm nay vẫn có thể góp phần gieo những “mùa xuân xanh” cho đời, đúng như lời Bác Hồ từng căn dặn: “Một năm bắt đầu từ mùa xuân, một đời bắt đầu từ tuổi trẻ.”

## THẨM QUYỀN MỚI...

(Tiếp theo trang 25)

nhóm dễ bị tổn thương mà không có điều kiện tự khởi kiện, hoặc việc không khởi kiện có nguy cơ gây thiệt hại cho lợi ích chung, có thể gửi thông tin, phản ánh, tài liệu liên quan đến VKSND nơi xảy ra vụ việc để được xem xét, xử lý theo quy định.

Việc triển khai Nghị quyết 205/2025/QH15 giúp nâng cao hiệu quả bảo vệ lợi ích công, quyền của các nhóm yếu thế, tăng cường trách nhiệm của các cơ quan trong quản lý nhà nước. Đồng thời khẳng định vai trò của VKSND là thiết chế bảo vệ pháp luật, bảo vệ lợi ích chung, góp phần xây dựng nền tư pháp công bằng, nghiêm minh. Để Nghị quyết số 205/2025/QH15 được

triển khai hiệu quả, rất cần sự phối hợp chặt chẽ, chủ động của các cơ quan, tổ chức và sự tham gia tích cực của Nhân dân. Khi phát hiện hoặc biết về các hành vi xâm phạm lợi ích công hoặc quyền, lợi ích hợp pháp của nhóm dễ bị tổn thương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần kịp thời thông tin, phản ánh, cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Viện kiểm sát nhân dân để xem xét, xử lý theo thẩm quyền. Việc tăng cường phối hợp, trao đổi thông tin sẽ góp phần ngăn chặn vi phạm ngay từ sớm, từ xa, bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh, thống nhất.

Nghị quyết số 205/2025/QH15 được thực hiện trong 03 năm tại 06 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Quảng Ninh và Đắk Lắk.

# NGHỊ ĐỊNH SỐ 350/2025/NĐ-CP:

## TẠO ĐỘNG LỰC MỚI CHO DÒNG CHẢY VĂN HỌC

### ■ QUỲNH NHƯ

**Trong nỗ lực cụ thể hóa các chiến lược phát triển văn hóa và khơi thông nguồn lực sáng tạo, Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 350/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2026 quy định về khuyến khích phát triển văn học. Đây được xem là “cú hích” quan trọng, mở ra hành lang pháp lý thông thoáng và nhiều chính sách đãi ngộ thiết thực nhằm nâng tầm vị thế của văn học Việt Nam trong thời đại mới.**

**N**ghị định 350/2025/NĐ-CP được ban hành trong bối cảnh nền văn học nước nhà đang đứng trước những cơ hội và thách thức từ làn sóng công nghệ. Điểm sáng nổi bật của Nghị định chính là tư duy cởi mở trong việc huy động nguồn lực. Thay vì chỉ dựa vào ngân sách nhà nước, Nghị định đã khơi thông cơ chế để các tổ chức, cá nhân và đặc biệt là khối doanh nghiệp tư nhân tham gia mạnh mẽ vào chuỗi giá trị văn học - từ khâu sáng tác, xuất bản cho đến quảng bá. Điều này không chỉ giảm bớt gánh nặng tài chính công mà còn tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh, thúc đẩy thị trường văn học phát triển năng động hơn.

Không dừng lại ở các phương thức truyền thống, Nghị định 350/2025/NĐ-CP đặc biệt nhấn mạnh việc thúc đẩy chuyển đổi số. Trong thời đại 4.0, văn học không thể chỉ đóng khung trong những cuốn sách in truyền thống. Sự xuất hiện của các định dạng mới như: sách điện tử (ebook), sách nói (audiobook) và các nền tảng thư viện số được Nghị định 350/2025/NĐ-CP bảo trợ sẽ giúp văn học thu hẹp khoảng cách với độc giả trẻ - những người đang sống và thở cùng nhịp điệu công nghệ.

**Nghị định 350/2025/NĐ-CP khuyến khích tổ chức trại viết, trại sáng tác văn học và cuộc thi viết, cuộc thi sáng tác tác phẩm văn học**

Bên cạnh đó, Nghị định 350/2025/NĐ-CP đã xác lập một danh mục các đề tài ưu tiên hỗ trợ cho thấy một tầm nhìn bao quát, kết hợp hài hòa giữa dòng chảy lịch sử và hơi thở đương đại. Việc đặt các đề tài về Đảng, cách mạng, lịch sử dân tộc và đặc biệt là chủ quyền biển đảo, biên giới lên hàng đầu cho thấy văn học luôn được coi là vũ khí sắc bén trên mặt trận tư tưởng. Văn học phải có trách nhiệm bác bỏ luận điệu xuyên tạc, bảo vệ sự bình yên của Tổ quốc. Nghị định cũng khuyến khích các tác phẩm về “con người mới” tham gia vào sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa xã hội của đất nước; phong trào thi đua yêu nước; về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; sự nghiệp xây dựng và phát triển nông thôn mới và những thành tựu kinh tế-xã hội. Một nét mới đầy tinh thần nhân ái là việc đưa đề tài về người yếu thế, dân tộc thiểu số và phòng chống bạo lực gia đình vào danh mục ưu tiên. Điều này khẳng định chức năng cao quý của văn học là “nhân đạo hóa” con người và hướng tới một xã hội công bằng, tốt đẹp hơn.

Đặc biệt, việc khuyến khích tổ chức các trại sáng tác, cuộc thi viết dành riêng cho thanh thiếu niên và nhi đồng cho thấy sự quan tâm sâu sắc của Chính phủ trong việc bồi dưỡng thế hệ kế cận, hình thành nhân cách và đạo đức cho chủ nhân tương lai của đất nước thông qua văn chương.

Một trong những nội dung quan trọng của Nghị định 350/2025/NĐ-CP là chiến lược quảng bá văn học ra thế giới. Việc giới thiệu tác phẩm thông qua triển lãm, hội chợ sách quốc tế và xây dựng các chương trình, để án thực hiện ở nước ngoài không chỉ giúp nâng cao vị thế của tác giả Việt mà còn là con đường ngắn nhất để lan tỏa giá trị văn hóa, tâm hồn Việt Nam đến với bạn bè quốc tế.

(Xem tiếp trang 33)

# Vai trò của việc tập huấn kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

## ■ CÔNG TRUNG

Quảng Trị, một tỉnh miền Trung với những nét đặc trưng về văn hóa, lịch sử và sự đan xen của các cộng đồng dân cư, luôn coi trọng vai trò của việc hòa giải ở cơ sở. Bởi vì, hòa giải ở cơ sở là phương thức giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn nhỏ trong nội bộ Nhân dân một cách hiệu quả, nhanh chóng, kịp thời giữ gìn tình làng nghĩa xóm và củng cố khối đại đoàn kết; giúp giảm áp lực cho cơ quan nhà nước cấp trên; góp phần nâng cao hiệu quả phổ biến, giáo dục pháp luật; giúp tiết kiệm thời gian, vật chất, nhân lực... Trong công tác này, đội ngũ hòa giải viên chính là lực lượng nòng cốt, những “cầu nối” quan trọng giúp lan tỏa tinh thần thượng tôn pháp luật và xây dựng cộng đồng yên bình. Tuy nhiên, để thực hiện sứ mệnh này một cách hiệu quả, việc tập huấn kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho đội ngũ hòa giải viên trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đóng vai trò đặc biệt quan trọng và mang tính quyết định. Có thể khái quát dưới một số khía cạnh như sau:

*Thứ nhất, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động hòa giải.* Vai trò đầu tiên và cơ bản nhất của công tác tập huấn là nâng cao kiến thức pháp luật và kỹ năng nghiệp vụ cho các hòa giải viên. Trong đó chú trọng một số nội dung như:

*Một là, chuẩn hóa kiến thức pháp luật.* Hoạt động hòa giải ở cơ sở phải dựa trên cơ sở pháp luật để đảm bảo tính công bằng và hợp pháp cho các bên. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật luôn thay đổi và phải thường xuyên được cập nhật. Vì vậy, thông qua các lớp tập huấn giúp hòa giải viên cập nhật các luật mới có hiệu lực thi hành, đặc biệt là các lĩnh vực thường xảy ra tranh chấp như: đất đai, hôn nhân và gia đình, thực hiện dân chủ ở cơ sở và các quy định về phòng chống bạo lực gia đình, thừa kế. Cũng thông qua lớp tập huấn, giúp hòa giải viên hiểu rõ quy trình, thủ tục hòa giải theo Luật Hòa giải ở cơ sở, đảm bảo việc hòa

giải được tiến hành đúng quy định, tránh sai sót dẫn đến khiếu kiện phức tạp; vận dụng pháp luật linh hoạt vào các tình huống cụ thể, giúp các bên tranh chấp nhận thức rõ về quyền và nghĩa vụ pháp lý của mình.

*Hai là, hoàn thiện kỹ năng hòa giải chuyên nghiệp.* Kiến thức pháp luật là nền tảng nhưng kỹ năng hòa giải mới là yếu tố then chốt tạo nên sự thành công. Thông qua tập huấn sẽ cung cấp cho hòa giải viên những kỹ năng thiết yếu như: kỹ năng tiếp cận thông tin về vụ, việc hòa giải và nhu cầu của các bên; kỹ năng tìm mâu thuẫn, xung đột lợi ích cốt lõi, nguyên nhân chủ yếu; kỹ năng tra cứu, tham khảo, vận dụng pháp luật, phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp của dân tộc; kỹ năng tổ chức, điều hành, kiểm soát buổi hòa giải; kỹ năng tư vấn, hướng dẫn, giải thích, thuyết phục, vận động các bên tự thỏa thuận, dàn xếp mâu thuẫn, tranh chấp; kỹ năng ghi chép biên bản, sổ theo dõi hoạt động, lập văn bản hòa giải thành, văn bản hòa giải không thành... trong đó, đặc biệt giúp hòa giải viên có kỹ năng lắng nghe tích cực và thấu hiểu để nắm bắt được cốt lõi vấn đề, nguyên nhân sâu xa của mâu thuẫn và tâm tư, nguyện vọng của các bên; kỹ năng giao tiếp và thuyết phục thông qua việc biết cách truyền đạt thông tin một cách rõ ràng, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ phù hợp với văn hóa địa phương (thấu tình đạt lý), khơi gợi sự tự nguyện hợp tác từ các bên và kỹ năng kiểm soát cảm xúc và xử lý tình huống khó, đặc biệt trong các vụ việc phức tạp, nhạy cảm hoặc liên quan đến bạo lực, tập huấn giúp họ giữ vững thái độ trung lập, bình tĩnh và có phương pháp tiếp cận phù hợp...

Nhờ được trang bị đầy đủ về cả lý và tình, các hòa giải viên trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có thể xử lý các vụ việc một cách thấu đáo hơn, từ đó tăng tỷ lệ hòa giải thành (hiện nay trên địa bàn

tỉnh Quảng Trị đã đạt trên 80%) và giảm thiểu tình trạng khiếu kiện vượt cấp.

*Thứ hai, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội.* Có thể khái quát thành hai ý nghĩa quan trọng như sau:

*Một là,* phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật. Khi mâu thuẫn, tranh chấp được giải quyết kịp thời, dứt điểm ngay tại cộng đồng thì những mâu thuẫn, tranh chấp đó sẽ không có cơ hội leo thang thành các hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng hơn như bạo lực, gây rối trật tự hoặc vi phạm pháp luật hình sự. Tập huấn giúp hòa giải viên nhận diện sớm các dấu hiệu tiềm ẩn của mâu thuẫn, tranh chấp từ đó phòng ngừa hiệu quả, góp phần giữ vững trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở.

*Hai là,* xây dựng ý thức thượng tôn pháp luật. Trong quá trình hòa giải, các hòa giải viên đóng vai trò là những người tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật một cách trực tiếp và tự nhiên nhất. Họ không chỉ giải quyết mâu thuẫn mà còn giải thích pháp luật có liên quan, giúp người dân hiểu rõ hơn về các quy định của Nhà nước. Đặc biệt, ở các vùng nông thôn, miền núi của tỉnh Quảng Trị, nơi người dân còn chịu ảnh hưởng của tâm lý tiểu nông và lệ làng, việc hòa giải viên trực tiếp “đưa luật về làng” có sức thấm thía sâu sắc. Sự hiểu biết pháp luật được nâng cao chính là cơ sở vững chắc để người dân tự giác tuân thủ pháp luật, góp phần xây dựng xã hội dân chủ, văn minh.

*Thứ ba, củng cố đoàn kết cộng đồng và phát huy giá trị truyền thống.* Tập huấn kỹ năng hòa giải giúp các hòa giải viên phát huy tối đa vai trò là cầu nối bền chặt trong cộng đồng. Trong đó:

*Một là,* gìn giữ tình làng, nghĩa xóm. Hoạt động hòa giải không chỉ là giải quyết về mặt pháp lý mà còn là vun đắp các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp. Tập huấn nhấn mạnh việc vận dụng các quy phạm đạo đức, phong tục, tập quán tốt đẹp của địa phương vào quá trình hòa giải. Bằng sự khéo léo và uy tín được đào tạo, hòa giải viên giúp các bên xung đột nhận ra giá trị của sự nhường nhịn, tha thứ và tầm quan trọng của mối quan hệ gia đình, láng giềng. Khi hòa giải thành, không chỉ vụ việc được giải quyết mà tình cảm, đoàn kết trong nội bộ Nhân dân cũng được củng cố và phát huy.

*Hai là,* nâng cao uy tín và vị thế hòa giải viên. Việc được tham gia các lớp tập huấn chuyên

nghiệp, cập nhật kiến thức thường xuyên là sự đầu tư và ghi nhận của chính quyền tỉnh Quảng Trị đối với đội ngũ hòa giải viên. Điều này giúp tăng cường sự tự tin cho hòa giải viên khi đối diện với các vụ việc phức tạp; nâng cao uy tín của Tổ hòa giải và bản thân hòa giải viên trong cộng đồng, khiến người dân tin tưởng tìm đến hòa giải thay vì khiếu kiện; góp phần xây dựng đội ngũ hòa giải viên trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo hướng gọn nhẹ, chất lượng, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu của xã hội trong giai đoạn mới.

*Để nâng cao hơn nữa hiệu quả, phát huy tối đa vai trò của tập huấn kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên, tỉnh Quảng Trị cần chú trọng các giải pháp như sau:*

*Một là,* đa dạng hóa hình thức tập huấn. Không chỉ là hội nghị mà còn là các buổi trao đổi kinh nghiệm, tình huống thực tế, nói chuyện pháp luật, thi Hòa giải viên giỏi để tăng tính tương tác và thực hành kỹ năng.

*Hai là,* chủ động bố trí và đảm bảo kinh phí. Cần có sự quan tâm đúng mức từ chính quyền các cấp để đảm bảo kinh phí cho việc in ấn tài liệu, mời giảng viên, tổ chức lớp tập huấn một cách thường xuyên, liên tục.

*Ba là,* tăng cường phối hợp liên ngành. Sở Tư pháp cần phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng và giám sát hoạt động hòa giải ở cơ sở.

*Bốn là,* lồng ghép nội dung đặc thù. Ngoài kiến thức pháp luật chung, cần lồng ghép các nội dung liên quan đến văn hóa, phong tục, tập quán và những vấn đề nổi cộm thường xảy ra tranh chấp tại địa bàn tỉnh Quảng Trị (như tranh chấp đất đai, hôn nhân gia đình).

Việc tập huấn kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên trên địa bàn tỉnh Quảng Trị không chỉ là một nhiệm vụ mang tính hành chính mà còn là một chiến lược đầu tư vào nguồn lực con người và sự ổn định của xã hội. Nó đóng vai trò then chốt trong việc giảm thiểu tranh chấp, phòng ngừa vi phạm pháp luật và củng cố khối đại đoàn kết trong cộng đồng dân cư. Bằng việc tiếp tục chú trọng và triển khai hiệu quả công tác tập huấn, tỉnh Quảng Trị sẽ xây dựng được một lực lượng hòa giải viên vững mạnh, góp phần thiết thực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và xây dựng một cuộc sống yên bình, hạnh phúc cho Nhân dân.

# Xác định quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản

## ■ HOÀNG NAM

**T**heo quy định tại khoản 21 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “Sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản là việc sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo hoặc thụ tinh trong ống nghiệm”.

Việc áp dụng các kỹ thuật hỗ trợ sinh sản (HTSS) như thụ tinh trong ống nghiệm (IVF), bơm tinh trùng vào buồng tử cung (IUI) và đặc biệt là mang thai hộ đã mở ra hy vọng cho nhiều cặp vợ chồng hiếm muộn. Tuy nhiên, sự can thiệp của khoa học vào quá trình sinh sản tự nhiên cũng đặt ra những thách thức pháp lý và đạo đức to lớn trong việc xác định chính xác quan hệ cha, mẹ, con của đứa trẻ sinh ra. Pháp luật Việt Nam hiện hành đã có những quy định cụ thể để giải quyết vấn đề này, chủ yếu được điều chỉnh bởi Luật Hôn nhân và Gia đình (HNGĐ) năm 2014 và Nghị định số 207/2025/NĐ-CP quy định về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

*Thứ nhất, xác định quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp thụ tinh trong ống nghiệm và bơm tinh trùng.* Các kỹ thuật IVF và IUI, nơi việc thụ tinh diễn ra bên ngoài hoặc bên trong cơ thể người mẹ nhưng sử dụng tinh trùng và noãn của chính cặp vợ chồng (hoặc người đang chung sống như vợ chồng) là những trường hợp tương đối đơn giản. Trong đó, quan hệ mẹ, con được xác định: Người phụ nữ mang thai và sinh con là người mẹ hợp pháp của đứa trẻ, bất kể nguồn gốc của noãn (trứng) là của cô ấy hay của người hiến tặng. Tuy nhiên, trong đa số trường hợp IVF/IUI thông thường, người mẹ chính là người cung cấp noãn. Quan hệ cha, con được xác định: Người chồng (hoặc người đang chung sống như vợ chồng) là người cha hợp pháp của đứa trẻ, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật HNGĐ năm 2014: Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng; con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân; con sinh ra trước ngày đăng ký kết

hôn và được cha mẹ thừa nhận là con chung của vợ chồng.

Trường hợp hiến, tặng tinh trùng, noãn: Khi sử dụng tinh trùng, noãn của người hiến tặng, người hiến tặng không có quyền và nghĩa vụ đối với đứa trẻ vì theo quy định tại khoản 3 Điều 93 Luật HNGĐ năm 2014 thì: việc sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản không làm phát sinh quan hệ cha, mẹ và con giữa người cho tinh trùng, cho noãn, cho phôi với người con được sinh ra.

Theo các quy định nêu trên ta có thể nhận thấy, trong trường hợp này quan hệ cha, mẹ, con được xác định theo quan hệ hôn nhân và người mang thai, sinh con chứ không phải theo nguồn gốc di truyền.

*Thứ hai, xác định quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.* Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là trường hợp phức tạp nhất và được pháp luật Việt Nam quy định rất chặt chẽ tại Điều 94, 95, 96, 97, 98, 99 Luật HNGĐ năm 2014 và các điều khoản liên quan của Nghị định số 207/2025/NĐ-CP. Đây là kỹ thuật mà phôi được tạo ra từ noãn và tinh trùng của cặp vợ chồng nhờ mang thai hộ (cha mẹ đặt con) và được chuyển vào tử cung của người mang thai hộ. Đối với trường hợp này có hai mối quan hệ cần xác định.

*Một là, xác định quan hệ cha, mẹ đặt con.* Trong trường hợp này, pháp luật Việt Nam xác định quan hệ cha, mẹ, con dựa trên nguồn gốc di truyền và ý chí của các bên ngay từ đầu thay vì dựa vào người mang thai và sinh nở. Trong đó, quan hệ mẹ, con được xác định: Người vợ trong cặp vợ chồng nhờ mang thai hộ (người mẹ đặt con) được xác định là mẹ hợp pháp của đứa trẻ, căn cứ phôi thai được tạo ra từ noãn của cô ấy. Quan hệ cha, con được xác định: Người chồng trong cặp vợ chồng nhờ mang thai hộ (người cha đặt con) được xác định là cha hợp pháp của đứa trẻ, căn cứ phôi thai được tạo ra từ tinh trùng của anh ấy.

*Hai là, vị trí pháp lý của người mang thai hộ.* Người mang thai hộ được xác định là người chỉ thực hiện nghĩa vụ mang thai và sinh nở, không

có bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào đối với đứa trẻ. Theo quy định tại Điều 97 Luật HNGĐ năm 2014 thì: con sinh ra trong trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là con chung của vợ chồng nhờ mang thai hộ kể từ thời điểm con được sinh ra. Đồng thời, theo quy định tại khoản 1 Điều 97 Luật HNGĐ năm 2014 thì: Người mang thai hộ, chồng của người mang thai hộ có quyền, nghĩa vụ như cha mẹ trong việc chăm sóc sức khỏe sinh sản và chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến thời điểm giao đứa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ; phải giao đứa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ.

*Thứ ba, xác định quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp vi phạm điều kiện, mang thai hộ trái phép.* Pháp luật Việt Nam nghiêm cấm hành vi mang thai hộ vì mục đích thương mại. Nếu phát sinh trường hợp mang thai hộ không đáp ứng đầy đủ các điều kiện (ví dụ: không có văn bản thỏa thuận công chứng, không đủ điều kiện y tế, v.v.), việc xác định quan hệ cha, mẹ, con sẽ trở nên phức tạp và cần sự can thiệp của Tòa án để giải quyết tranh chấp (nếu có). Nếu thỏa thuận mang thai hộ bị tuyên bố là vô hiệu do vi phạm điều cấm (thương mại), quan hệ cha, mẹ, con có thể phải xem xét lại theo các nguyên tắc chung

của Luật HNGĐ, ưu tiên bảo vệ quyền và lợi ích tốt nhất của đứa trẻ. Trong các tranh chấp về quan hệ cha, mẹ, con, nguyên tắc bảo vệ quyền lợi hợp pháp, tốt nhất cho đứa trẻ luôn được đặt lên hàng đầu. Tòa án có thể căn cứ vào nguồn gốc di truyền, ý chí ban đầu của các bên và điều kiện chăm sóc thực tế để đưa ra phán quyết cuối cùng về người giám hộ và cha mẹ hợp pháp.

Việc xác định quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản tại Việt Nam được thực hiện trên cơ sở kết hợp giữa quan hệ hôn nhân (đối với IVF/IUI thông thường hoặc hiến tặng tinh trùng/noãn) và nguồn gốc di truyền cùng với ý chí cam kết của các bên (đối với mang thai hộ nhân đạo). Mục tiêu của pháp luật nhằm đảm bảo tính hợp pháp của các quan hệ gia đình mới phát sinh, bảo vệ quyền làm cha, làm mẹ của các cặp vợ chồng hiếm muộn và đặc biệt là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đứa trẻ được sinh ra. Việc tuân thủ nghiêm ngặt các điều kiện và thủ tục pháp lý là vô cùng quan trọng để đảm bảo rằng quan hệ cha, mẹ, con được xác định một cách rõ ràng, minh bạch và ổn định, tránh mọi tranh chấp pháp lý tiềm ẩn sau này.

## NGHỊ ĐỊNH SỐ...

(Tiếp theo trang 29)

Bên cạnh các chính sách hỗ trợ tài chính và tổ chức, Nghị định 350/2025/NĐ-CP khẳng định cam kết của Nhà nước trong việc bảo vệ quyền tác giả và quyền liên quan. Đây là xương sống của nền công nghiệp văn hóa. Trong kỷ nguyên số, khi việc sao chép và vi phạm bản quyền diễn ra tinh vi, sự cam kết bảo vệ từ phía Nhà nước là điểm tựa vững chắc nhất để các tác giả yên tâm cống hiến. Tôn vinh tác giả không chỉ là trao những giải thưởng, mà là tạo ra một môi trường nơi trí tuệ được trân trọng và giá trị kinh tế từ tác phẩm được đảm bảo. Đây chính là nền tảng để hình thành nên đội ngũ tác giả chuyên nghiệp, sống được bằng nghề và cống hiến hết mình cho nghệ thuật.

Cùng với chính sách khuyến khích, Nghị định 350/2025/NĐ-CP quy định chặt chẽ việc dùng tổ chức hoạt động và thu hồi giải thưởng văn học. Theo đó, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc UBND cấp tỉnh có quyền yêu cầu dùng tổ chức trại viết, trại

sáng tác, các cuộc thi và giải thưởng văn học khi hoạt động không thực hiện đúng quy định, với thời gian dùng không quá 3 tháng để khắc phục. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thẩm quyền thu hồi giải thưởng văn học trong trường hợp không còn Ban tổ chức, hoặc khi tác giả cung cấp thông tin sai sự thật về tác phẩm, bản quyền, hay vi phạm pháp luật hình sự theo bản án có hiệu lực, nhằm bảo đảm tính nghiêm minh, minh bạch và uy tín của các hoạt động văn học.

Có hiệu lực từ ngày 15/2/2026, Nghị định số 350/2025/NĐ-CP không chỉ là một văn bản quy phạm pháp luật, mà là một lời khẳng định về tầm quan trọng của văn học trong chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa. Chúng ta có quyền kỳ vọng vào một diện mạo mới của văn học Việt Nam. Đó sẽ là một nền văn học không chỉ giàu tính chiến đấu, đậm đà bản sắc dân tộc mà còn hiện đại, đa dạng về thể loại và ngôn ngữ thể hiện. Văn học sẽ không còn là một sân chơi hẹp mà trở thành một phần không thể thiếu trong chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước con người Việt Nam hiền hòa, kiên cường và đầy sáng tạo.

## GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

**Câu 1: Bà Nguyễn Thị Kim Ánh (Ninh Châu, Quảng Trị) hỏi: Hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng thành viên gia đình thì bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính?**

**Trả lời:** Căn cứ Điều 37 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP ngày 30/10/2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực gia đình (*Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 15/12/2025*) thì mức phạt đối với hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng thành viên gia đình như sau:

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi đe dọa xâm hại đến sức khỏe, tính mạng thành viên gia đình.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng thành viên gia đình nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Hành hạ, ngược đãi như bắt nhịn ăn, nhịn uống, bắt chịu rét, mặc rách, không cho hoặc hạn chế vệ sinh cá nhân;

b) Sử dụng các công cụ, phương tiện hoặc các vật dụng khác gây thương tích cho thành viên gia đình nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Người có hành vi bạo lực gia đình không kịp thời đưa người bị bạo lực gia đình đi cấp cứu, điều trị trong trường hợp người bị bạo lực gia đình cần được cấp cứu kịp thời hoặc không chăm sóc người bị bạo lực gia đình trong thời gian người bị bạo lực gia đình điều trị chấn thương do hành vi bạo lực gia đình, trừ trường hợp người bị bạo lực gia đình, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình từ chối.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm

b khoản 3 Điều này, trừ trường hợp tang vật, phương tiện vi phạm hành chính không phải là tài sản riêng của người thực hiện hành vi bạo lực gia đình.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc xin lỗi công khai khi người bị bạo lực gia đình có yêu cầu tại nhà riêng, nơi làm việc, địa điểm khác hoặc trên phương tiện thông tin đại chúng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1 và 2; các điểm a và b khoản 3 Điều này;

b) Buộc chi trả toàn bộ chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này.

**Câu 2: Ông Nguyễn Văn Thi (Sen Ngur, Quảng Trị) hỏi: Mức chi kinh phí quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ là bao nhiêu theo quy định của pháp luật hiện hành?**

**Trả lời:** Căn cứ Điều 12 Nghị định số 279/2025/NĐ-CP ngày 23/10/2025 của Chính phủ quy định về thành lập, nguồn tài chính hình thành, quản lý, hoạt động chi, sử dụng quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ (*Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 15/12/2025*) thì mức chi kinh phí quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ như sau:

1. Căn cứ tỷ lệ tổn thương, mức chi hỗ trợ cho nạn nhân bị thương do tai nạn giao thông đường bộ gây ra với tỷ lệ tổn thương trên 31% đến dưới 81%; gia đình có nạn nhân tử vong do tai nạn giao thông đường bộ gây ra đang gặp khó khăn về kinh tế: chi hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/vụ việc/gia đình có nạn nhân tử vong; không quá 10 triệu đồng/vụ việc/01 người bị thương.

2. Căn cứ tỷ lệ tổn thương, mức chi hỗ trợ hoạt động hòa nhập cộng đồng và tiếp tục phát triển đối với nạn nhân bị thương do tai nạn giao thông có tỷ lệ tổn thương trên 81%: chi không quá 100 triệu đồng/01 người bị thương/01 lần.

3. Căn cứ vào tính chất nghiêm trọng của vụ tai nạn giao thông, mức hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia giúp đỡ, cứu chữa, đưa người bị tai nạn giao thông đường bộ đi cấp cứu: chi hỗ trợ không quá 10 triệu đồng cho tổ chức/01 vụ việc và không quá 05 triệu đồng cho cá nhân/01 vụ việc.

## GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

4. Căn cứ vào quy mô của hoạt động tuyên truyền, mức chi hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia các hoạt động tuyên truyền làm giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ mà không được Nhà nước bảo đảm kinh phí: chi hỗ trợ không quá 10 triệu đồng cho tổ chức/01 vụ việc; không quá 05 triệu đồng cho cá nhân/01 vụ việc.

5. Căn cứ vào quy mô của hoạt động tuyên truyền, mức chi hỗ trợ cho công tác tuyên truyền tổ chức các hoạt động, sự kiện gây Quỹ: chi hỗ trợ không quá 100 triệu đồng cho cơ quan quản lý Quỹ/01 vụ việc.

6. Các mức chi khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Câu 3: Ông Bùi Minh Thắng (Nam Gianh, Quảng Trị) hỏi: Quy định của pháp luật hiện hành về mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ đối với người lao động làm việc cho người sử dụng lao động theo vùng? Việc áp dụng mức lương tối thiểu được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 3 Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động (*Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026*) thì mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ đối với người lao động làm việc cho người sử dụng lao động theo vùng như sau:

Vùng	Mức lương tối thiểu tháng (Đơn vị: đồng/tháng)	Mức lương tối thiểu giờ (Đơn vị: đồng/giờ)
Vùng I	5.310.000	25.500
Vùng II	4.730.000	22.700
Vùng III	4.140.000	20.000
Vùng IV	3.700.000	17.800

- Căn cứ Điều 4 Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động (*Nghị định có hiệu lực kể*

*từ ngày 01/01/2026*) thì việc áp dụng mức lương tối thiểu được quy định như sau:

1. Mức lương tối thiểu tháng là mức lương thấp nhất làm cơ sở để thỏa thuận và trả lương đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo tháng, bảo đảm mức lương theo công việc hoặc chức danh của người lao động làm việc đủ thời giờ làm việc bình thường trong tháng và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận không được thấp hơn mức lương tối thiểu tháng.

2. Mức lương tối thiểu giờ là mức lương thấp nhất làm cơ sở để thỏa thuận và trả lương đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo giờ, bảo đảm mức lương theo công việc hoặc chức danh của người lao động làm việc trong một giờ và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận không được thấp hơn mức lương tối thiểu giờ.

3. Đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo tuần hoặc theo ngày hoặc theo sản phẩm hoặc lương khoán thì mức lương của các hình thức trả lương này nếu quy đổi theo tháng hoặc theo giờ không được thấp hơn mức lương tối thiểu tháng hoặc mức lương tối thiểu giờ. Mức lương quy đổi theo tháng hoặc theo giờ trên cơ sở thời giờ làm việc bình thường do người sử dụng lao động lựa chọn theo quy định của pháp luật lao động như sau:

a) Mức lương quy đổi theo tháng bằng mức lương theo tuần nhân với 52 tuần chia cho 12 tháng; hoặc mức lương theo ngày nhân với số ngày làm việc bình thường trong tháng; hoặc mức lương theo sản phẩm, lương khoán thực hiện trong thời giờ làm việc bình thường trong tháng.

b) Mức lương quy đổi theo giờ bằng mức lương theo tuần, theo ngày chia cho số giờ làm việc bình thường trong tuần, trong ngày; hoặc mức lương theo sản phẩm, lương khoán chia cho số giờ làm việc trong thời giờ làm việc bình thường để sản xuất sản phẩm, thực hiện nhiệm vụ khoán.

**Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước số 1**

### I. DÒNG CHẢY CHÍNH SÁCH

**Một số chính sách có hiệu lực từ tháng 3 năm 2026**

#### 1. Quy định mới về đăng ký cư trú cho người chưa thành niên

Ngày 13/02/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 58/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu; quản lý, sử dụng pháo; quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú, Luật Căn cước.

Theo Nghị định số 58/2026/NĐ-CP, trường hợp người chưa thành niên đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú tại nơi thường trú, nơi tạm trú của cha, mẹ hoặc cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thì cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thực hiện kê khai, xác nhận ý kiến vào Tờ khai thay đổi thông tin cư trú.

Trường hợp người chưa thành niên đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú tại nơi thường trú, nơi tạm trú không phải là nơi thường trú, nơi tạm trú của cha, mẹ hoặc người giám hộ thì cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thực hiện kê khai, xác nhận ý kiến vào Tờ khai thay đổi thông tin cư trú. Trường hợp người chưa thành niên được Tòa án quyết định giao cho cha hoặc mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng thì người được giao chăm sóc, nuôi dưỡng kê khai, xác nhận ý kiến vào Tờ khai thay đổi thông tin cư trú.

Nghị định số 58/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 15/3/2026.

#### 2. Quy định mới về mã định danh điện tử cho bất động sản

Ngày 31/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định 357/2025/NĐ-CP về xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

Theo đó, tại khoản 5 Điều 3 Nghị định 357/2025/NĐ-CP, mã định danh điện tử cho bất động sản (bao gồm nhà ở và phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng) là chuỗi ký tự số và chữ tối đa không quá 40 ký tự được cấp riêng cho mỗi căn nhà (chung cư, riêng lẻ) hoặc bất động sản trong công trình xây dựng được quản lý trong hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và bất động sản.

Nghị định 357/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1/3/2026.

#### 3. Quy từ thiện phải công khai thu chi hằng năm trước ngày 31/3

Ngày 09/01/2026, Chính phủ ban hành Nghị định 03/2026/NĐ-CP quy định quỹ xã hội, quỹ từ thiện có nghĩa vụ công khai các khoản đóng góp, tài sản đã tiếp nhận và kết quả sử dụng

trên phương tiện thông tin đại chúng trước ngày 31/3 hằng năm.

Đồng thời, Quỹ hoạt động trong lĩnh vực nào thì chịu sự quản lý của cơ quan nhà nước về ngành, lĩnh vực đó và chỉ thực hiện tài trợ, hỗ trợ trong phạm vi hoạt động theo điều lệ, trừ trường hợp tham gia hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố nghiêm trọng, khẩn cấp.

Nghị định 03/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ 01/3/2026.

#### 4. Sửa đổi, bổ sung quy định về trình tự cấp Giấy phép lập Văn phòng đại diện của các tổ chức hợp tác, nghiên cứu nước ngoài tại Việt Nam

Ngày 13/02/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 62/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2005/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về việc lập và hoạt động của Văn phòng đại diện của các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài tại Việt Nam. Nghị định số 62/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định số 06/2005/NĐ-CP về trình tự cấp Giấy phép. Cụ thể:

1. Bộ Ngoại giao gửi hồ sơ đề nghị lập Văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài cho Cơ quan chủ quản phía Việt Nam, các bộ, cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức nước ngoài dự kiến đặt Văn phòng đại diện:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho ý kiến về tình hình hoạt động của tổ chức nước ngoài tại địa phương nơi tổ chức nước ngoài dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện;

b) Bộ, cơ quan liên quan cho ý kiến về tình hình hoạt động của tổ chức nước ngoài có các chương trình, dự án thuộc phạm vi theo dõi của bộ, cơ quan;

c) Cơ quan chủ quản phía Việt Nam cho ý kiến về đề nghị lập Văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài;

d) Bộ Công an cho ý kiến đối với người dự kiến làm Trưởng Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

Nghị định số 62/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/3/2026.

#### 5. Từ 8/3/2026, sử dụng tài liệu lưu trữ để bôi nhọ, xúc phạm cá nhân bị phạt hành chính đến 30 triệu đồng

Ngày 21/01/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 31/2026/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lưu trữ.

Đối với vi phạm quy định về các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực lưu trữ, Nghị định

quy định phạt tiền từ 20 đến 30 triệu đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Truy cập, sao chép, chia sẻ trái phép tài liệu lưu trữ, cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Cung cấp, chuyển giao, hủy tài liệu lưu trữ trái phép hoặc mua bán, chiếm đoạt tài liệu lưu trữ mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Làm sai lệch nội dung, làm mất tính toàn vẹn của tài liệu lưu trữ và dữ liệu chủ của tài liệu lưu trữ mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Làm hỏng tài liệu lưu trữ đến mức không thể khôi phục được;
- Làm mất tài liệu lưu trữ;
- Sử dụng tài liệu lưu trữ vào mục đích bịa đặt, bôi nhọ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự của cá nhân mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Nghị định số 31/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 8/3/2026.

### **6. Vi phạm hành chính trong hoạt động đường bộ bị phạt tới 150 triệu đồng từ ngày 01/3/2026**

Ngày 22/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 336/2025/NĐ-CP quy định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đường bộ.

Một trong những nội dung quan trọng của Nghị định là quy định mức phạt tiền tối đa đối với vi phạm hành chính trong hoạt động đường bộ. Theo đó, tại điều 3 Nghị định số 336/2025/NĐ-CP quy định: Mức phạt tiền tối đa trong hoạt động đường bộ thuộc lĩnh vực giao thông đường bộ đối với cá nhân là 75.000.000 đồng và đối với tổ chức là 150.000.000 đồng. Việc quy định mức phạt cao nhằm tăng tính răn đe, phòng ngừa vi phạm, đồng thời phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của các hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

Về hình thức xử phạt, Nghị định quy định hình thức xử phạt chính gồm cảnh cáo và phạt tiền. Bên cạnh đó, tùy theo hành vi và mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm còn có thể bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung, như tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề; tước quyền sử dụng phù hiệu, biển hiệu xe kinh doanh vận tải; đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với tổ chức đào tạo, thẩm tra an toàn giao thông, đơn vị thi công công trình đường bộ. Đồng thời, Nghị định quy định cụ thể các biện pháp khắc phục hậu quả, như buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu, buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, buộc thu dọn vật cản gây mất an toàn giao thông,

buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được từ hành vi vi phạm.

Nghị định số 336/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/3/2026.

### **7. Từ 01/3, tài khoản ngân hàng của hộ kinh doanh phải đúng tên đăng ký**

Từ ngày 01/3/2026, theo quy định mới của Ngân hàng Nhà nước, tài khoản ngân hàng phục vụ hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh phải đúng tên đăng ký trên giấy chứng nhận.

Cụ thể, theo Thông tư 25/2025/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 17/2024/TT-NHNN, việc đặt tên tài khoản thanh toán được quy định cụ thể hơn đối với từng đối tượng sử dụng.

Thông tư 25/2025/TT-NHNN bổ sung điểm c khoản 1 điều 13 Thông tư 17, quy định đối với tài khoản thanh toán cá nhân, tên tài khoản phải trùng khớp với họ và tên trên giấy tờ tùy thân của khách hàng. Đối với tài khoản thanh toán của tổ chức, tên tài khoản bắt buộc phải bao gồm tên tổ chức theo giấy phép thành lập, quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ chứng minh tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp.

Với quy định này, từ ngày 01/3/2026, tài khoản ngân hàng phải được mở và đúng tên đúng theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

### **8. 03 trường hợp mobile banking tự ngừng hoạt động từ ngày 01/3/2026**

Ngày 31/12/2025, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư 77/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ trực tuyến trong ngành Ngân hàng.

Theo đó, để tránh sự tấn công của mã độc từ bên ngoài, Thông tư 77/2025/TT-NHNN yêu cầu ứng dụng này phải tự động ngắt kết nối hoặc ngừng hoạt động ngay lập tức nếu phát hiện điện thoại thuộc trường hợp:

- Điện thoại đã bị bẻ khóa (jailbreak với iOS, root với Android) hoặc bị can thiệp mở khóa cơ chế bảo vệ khởi động (unlock bootloader). Người dùng thường sử dụng thao tác này khi muốn cài đặt ứng dụng không chính thống hoặc né bản quyền.

- Điện thoại đã bị chèn mã lạ từ bên ngoài nhằm theo dõi, lưu lại lịch sử thao tác... hoặc đã bị chỉnh sửa, đóng gói lại (repacking)

- Điện thoại có gắn trình gỡ lỗi (debugger), hoặc chạy ứng dụng trên các môi trường giả lập (emulator), máy ảo, thiết bị giả lập...

### **9. Quy định các đối tượng được miễn nộp phí lĩnh vực đường sắt**

Ngày 10/02/2026, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 11/2026/TT-BTC quy định

mức thu, chế độ thu, nộp phí thuộc lĩnh vực đường sắt, có hiệu lực từ ngày 27/3/2026. Thông tư 11/2026/TT-BTC quy định các đối tượng được miễn nộp phí lĩnh vực đường sắt bao gồm:

(1) Miễn phí sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư phục vụ cho các mục đích sau đây:

- Kiểm tra, sửa chữa, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.
- Phục vụ phòng chống lụt bão và cứu hộ, cứu nạn đường sắt.
- Phục vụ nhu cầu quốc phòng và an ninh quốc gia.
- Phục vụ nhiệm vụ vận tải đặc biệt, vận tải phục vụ an sinh xã hội theo quy định của pháp luật về đường sắt.

(2) Miễn phí sát hạch lái tàu đối với các đối tượng sau:

- Người thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật về chuẩn nghèo.
- Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng.
- Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

### Phòng PBGDPL&TDTHPL

## II. TIÊU ĐIỂM CHÍNH SÁCH

### Hỏi đáp pháp luật về nghĩa vụ quân sự

**1. Pháp luật quy định các hành vi nào bị nghiêm cấm trong thực hiện nghĩa vụ quân sự?**

**Trả lời:**

1. Trốn tránh thực hiện nghĩa vụ quân sự.
2. Chống đối, cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự.
3. Gian dối trong khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự.
4. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định về nghĩa vụ quân sự.
5. Sử dụng hạ sĩ quan, binh sĩ trái quy định của pháp luật.
6. Xâm phạm thân thể, sức khỏe; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của hạ sĩ quan, binh sĩ.

**2. Đối tượng nào được đăng ký nghĩa vụ quân sự?**

**Trả lời:**

- Công dân nam đủ 17 tuổi trở lên.
- Công dân nữ quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này đủ 18 tuổi trở lên (Công dân nữ trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự có ngành, nghề chuyên môn phù hợp yêu cầu của Quân đội nhân dân).

**3. Đối tượng nào không được đăng ký nghĩa vụ quân sự?**

**Trả lời:**

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hình phạt tù, cải tạo không giam giữ, quản chế hoặc đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích;
- Đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã hoặc đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Bị tước quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân.

Khi hết thời hạn áp dụng các biện pháp quy định nêu trên, công dân được đăng ký nghĩa vụ quân sự.

**4. Đối tượng nào được miễn đăng ký nghĩa vụ quân sự?**

**Trả lời:**

Người khuyết tật, người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh tâm thần hoặc bệnh mãn tính theo quy định của pháp luật.

**5. Pháp luật quy định thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ như thế nào?**

**Trả lời:**

- Thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan, binh sĩ là 24 tháng.
- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng được quyết định kéo dài thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ nhưng không quá 06 tháng trong trường hợp sau đây:

- + Để bảo đảm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu;
- + Đang thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cứu hộ, cứu nạn.
- Thời hạn phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ trong tình trạng chiến tranh hoặc tình trạng khẩn cấp về quốc phòng được thực hiện theo lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ.

**6. Quy định về độ tuổi gọi nhập ngũ?**

**Trả lời:**

Công dân đủ 18 tuổi được gọi nhập ngũ; độ tuổi gọi nhập ngũ từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi; công dân được đào tạo trình độ cao đẳng, đại học đã được tạm hoãn gọi nhập ngũ thì độ tuổi gọi nhập ngũ đến hết 27 tuổi.

**7. Quy định tiêu chuẩn công dân được gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân như sau:**

- Công dân được gọi nhập ngũ khi có đủ các tiêu chuẩn sau đây:
  - + Lý lịch rõ ràng;
  - + Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;
  - + Đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo quy định;

+ Có trình độ văn hóa phù hợp.

- Tiêu chuẩn công dân được gọi thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân theo quy định tại Điều 7 của Luật Công an nhân dân (Công dân có đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ, sức khỏe, độ tuổi và năng khiếu phù hợp với công tác công an, có nguyện vọng và Công an nhân dân có nhu cầu thì có thể được tuyển chọn vào Công an nhân dân; Công an nhân dân được ưu tiên tuyển chọn sinh viên, học sinh xuất sắc tốt nghiệp ở các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đủ tiêu chuẩn để đào tạo, bổ sung vào Công an nhân dân).

**Phòng PBGDPL&TĐTHPL**

### III. ĐƯA PHÁP LUẬT VÀO CUỘC SỐNG

***Những điều chỉnh quan trọng của Luật Đầu tư (sửa đổi) góp phần giải quyết các vướng mắc hiện nay, tạo thuận lợi cho dự án đầu tư***

Từ ngày 01/3/2026, Luật Đầu tư 2025 chính thức có hiệu lực, đánh dấu một cột mốc quan trọng trong việc hoàn thiện thể chế kinh tế tại Việt Nam. Đạo luật này được kỳ vọng sẽ tạo nên một làn sóng mới, tháo gỡ triệt để các rào cản pháp lý và thiết lập một môi trường kinh doanh minh bạch, thông thoáng cho các nhà đầu tư.

Luật Đầu tư năm 2025 được ban hành cùng với sửa đổi đồng bộ các quy định liên quan điều chỉnh hoạt động đầu tư, kinh doanh trong thời gian qua (bao gồm Luật quy hoạch, đấu thầu, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, lâm nghiệp, phòng cháy, chuyển giao công nghệ, kinh doanh bất động sản, nhà ở...) sẽ tháo gỡ cơ bản những điểm nghẽn, vướng mắc về thể chế, pháp luật, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn để khơi thông nguồn lực cho đầu tư phát triển.

Những điều chỉnh về thủ tục thực hiện dự án của Luật Đầu tư được kỳ vọng sẽ giải quyết cơ bản được vướng mắc, điểm nghẽn pháp lý cho các dự án. Điển hình như thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư được hoàn thiện theo hướng minh bạch, đơn giản hóa nội dung thẩm định; đồng thời thu hẹp phạm vi các dự án phải thực hiện chấp thuận chủ trương đầu tư và đẩy mạnh phân cấp việc chấp thuận chủ trương đầu tư cho các địa phương.

Theo đó, khi đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch sẽ xem xét về sự phù

hợp của dự án với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch; không yêu cầu dự án phải được xác định trong quy hoạch.

Việc thẩm định chỉ cần căn cứ vào một trong các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch để thẩm định, đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư. Đối với dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp công trình hiện hữu mà không thay đổi mục tiêu, địa điểm, quy mô thì không yêu cầu đánh giá lại sự phù hợp của dự án với quy hoạch. Về công nghệ của dự án đầu tư có hoạt động xây dựng, việc thẩm định công nghệ sẽ không phải thực hiện ngay tại giai đoạn chấp thuận chủ trương đầu tư mà được thực hiện ở giai đoạn quyết định đầu tư.

Phạm vi các dự án phải thực hiện chấp thuận chủ trương đầu tư cũng được xác định rõ và chỉ bao gồm các dự án phát triển hạ tầng trong một số lĩnh vực quan trọng, nhạy cảm như: cảng biển, sân bay, viễn thông; các dự án để xuất sử dụng đất, rừng, khu vực biển; và các dự án có khả năng ảnh hưởng lớn đến môi trường hoặc quốc phòng, an ninh...

Đặc biệt, Luật đã bổ sung thủ tục đầu tư đặc biệt (luồng xanh) để tạo thuận lợi tối đa về thủ tục đối với dự án đầu tư tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, khu thương mại tự do và trung tâm tài chính quốc tế.

Theo đó, việc đăng ký thực hiện dự án đầu tư được chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”. Dự án đăng ký đầu tư theo quy định này không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, thẩm định công nghệ, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập quy hoạch chi tiết, cấp Giấy phép xây dựng và các thủ tục trong lĩnh vực xây dựng, phòng cháy, chữa cháy.

Đây là nội dung đột phá nhằm rút ngắn thời gian triển khai dự án, thể hiện cách tiếp cận mới trong xây dựng thể chế theo hướng vừa đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và nhận được sự ủng hộ, đồng tình rất lớn của các nhà đầu tư và các cơ quan quản lý.

Những quy định nêu trên sẽ góp phần giải quyết các điểm nghẽn pháp lý về dự án đầu tư.

**Phòng PBGDPL&TĐTHPL**

**1. Ngày 11/12/2025, Quốc hội đã ban hành Luật Đầu tư số 143/2025/QH15**

Luật Đầu tư quy định về hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và hoạt động đầu tư kinh doanh từ Việt Nam ra nước ngoài. Theo đó, tại khoản 1 Điều 6 quy định cấm các hoạt động đầu tư kinh doanh sau đây:

- Kinh doanh các chất ma túy quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Luật Đầu tư (các chất ma túy cấm đầu tư kinh doanh);

- Kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Luật Đầu tư (danh mục hóa chất, khoáng vật cấm);

- Kinh doanh mẫu vật các loài thực vật, động vật hoang dã có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên quy định tại Phụ lục I của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng, thủy sản nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Luật Đầu tư;

- Kinh doanh mại dâm;

- Mua, bán người, mô, xác, bộ phận cơ thể người, bào thai người;

- Hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người;

- Kinh doanh pháo nổ;

- Kinh doanh dịch vụ đòi nợ;

- Kinh doanh mua bán bảo vật quốc gia;

- Kinh doanh xuất khẩu di vật, cổ vật;

- Kinh doanh thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng.

Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành từ ngày 01/03/2026.

**2. Ngày 11/12/2025, Quốc hội đã ban hành Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15**

Luật Phục hồi, phá sản quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc phục hồi, phá sản doanh nghiệp và hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; nhiệm vụ, quyền hạn của người tiến hành thủ tục phục hồi, phá sản; quyền, nghĩa vụ của người tham gia thủ tục phục hồi, phá sản. Luật Phục hồi, phá sản được áp dụng khi giải quyết vụ việc phục hồi, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; trường hợp Luật này không có quy định thì áp dụng quy định của pháp luật có liên quan. Quy định về thủ tục phục hồi, thủ tục phục hồi rút gọn của Luật này không áp dụng đối với tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp

tái bảo hiểm. Trong đó, tại Điều 41 Luật Phục hồi, phá sản quy định về quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản như sau:

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phá sản, Thẩm phán phải ra quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản.

- Quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản có hiệu lực thi hành kể từ ngày ra quyết định.

- Quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản của Tòa án phải được gửi cho người nộp đơn, doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ nợ, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan quản lý thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án nhân dân ra quyết định.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản, người tham gia thủ tục phá sản có quyền đề nghị xem xét lại, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kiến nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị xem xét lại, kiến nghị, Chánh án Tòa án phải xem xét, giải quyết như sau:

- + Giữ nguyên quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản;

- + Hủy quyết định mở thủ tục phá sản hoặc quyết định không mở thủ tục phá sản và ra quyết định không mở thủ tục phá sản hoặc quyết định mở thủ tục phá sản;

- + Hủy quyết định mở thủ tục phá sản hoặc quyết định không mở thủ tục phá sản và đình chỉ việc tiến hành thủ tục phá sản;

- + Đình chỉ giải quyết đề nghị xem xét lại, kiến nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản trong trường hợp người đề nghị rút đơn đề nghị, Viện kiểm sát rút kiến nghị.

- Quyết định của Chánh án Tòa án quy định tại khoản 5 Điều 41 là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành. Quyết định quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 41 được đăng trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về phục hồi, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

Luật Phục hồi, phá sản có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2026.

**3. Ngày 10/12/2025, Quốc hội đã ban hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15**

Tại khoản 1 Điều 2 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân giải

thích: Giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân là một phương thức kiểm soát quyền lực nhà nước thông qua việc chủ thể giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát trong việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật, xử lý theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, góp phần hoàn thiện chính sách, pháp luật, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, địa phương, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Tại Điều 15 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân quy định thẩm quyền của Quốc hội trong việc xem xét kết quả giám sát, như sau:

- Yêu cầu Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội.

- Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội.

- Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan khác do Quốc hội thành lập; phê chuẩn để nghị miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, các thành viên khác của Chính phủ, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn theo quy định của Quốc hội về bỏ phiếu tín nhiệm.

- Yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc cách chức, xử lý đối với người có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

- Quyết định các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Quốc hội.

Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2026.

#### **4. Ngày 10/12/2025, Quốc hội đã ban hành Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15**

Luật Trí tuệ nhân tạo quy định về nghiên cứu, phát triển, cung cấp, triển khai và sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo (sau đây gọi là hoạt động trí tuệ nhân tạo); quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân có liên quan và quản lý nhà nước đối với hoạt động trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam. Trong đó, tại khoản 1 Điều 3 giải thích: Trí tuệ nhân tạo là việc thực hiện bằng điện tử các năng lực trí tuệ của con người, bao gồm học tập, suy luận, nhận thức, phán đoán và hiểu ngôn ngữ tự nhiên. Đồng thời, tại Điều 7 Luật Trí tuệ nhân tạo quy định các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm:

- Lợi dụng, chiếm đoạt hệ thống trí tuệ nhân tạo để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Phát triển, cung cấp, triển khai hoặc sử dụng các hệ thống trí tuệ nhân tạo nhằm mục đích sau đây:

- + Thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của luật;

- + Sử dụng yếu tố giả mạo hoặc mô phỏng người, sự kiện thật để lừa dối hoặc thao túng nhận thức, hành vi của con người một cách có chủ đích và có hệ thống, gây tổn hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của con người;

- + Lợi dụng điểm yếu của nhóm người dễ bị tổn thương, bao gồm trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số hoặc người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi để gây tổn hại cho chính họ hoặc người khác;

- + Tạo ra hoặc phổ biến nội dung giả mạo có khả năng gây nguy hại nghiêm trọng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

- Thu thập, xử lý hoặc sử dụng dữ liệu để phát triển, huấn luyện, kiểm thử hoặc vận hành hệ thống trí tuệ nhân tạo trái với quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, sở hữu trí tuệ và an ninh mạng.

- Cản trở, vô hiệu hóa hoặc làm sai lệch cơ chế giám sát, can thiệp và kiểm soát của con người đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo theo quy định của Luật này.

- Che giấu thông tin bắt buộc phải công khai, minh bạch hoặc giải trình; tẩy xóa, làm

sai lệch các thông tin, nhãn, cảnh báo bắt buộc trong hoạt động trí tuệ nhân tạo.

- Lợi dụng hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, đánh giá hoặc kiểm định hệ thống trí tuệ nhân tạo để thực hiện hành vi trái quy định của luật.

Luật Trí tuệ nhân tạo có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2026.

**5. Ngày 10/12/2025, Quốc hội đã ban hành Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15**

Theo đó, tại khoản 1 Điều 2 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước giải thích: Bí mật nhà nước là thông tin có nội dung quan trọng do người có thẩm quyền theo quy định của Luật này xác định, chưa được công khai, nếu bị lộ, bị mất có thể gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc. Đồng thời, tại Điều 5 quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ bí mật nhà nước như sau:

- Xác định bí mật nhà nước đối với thông tin không thuộc danh mục bí mật nhà nước.

- Soạn thảo, lưu giữ tài liệu bí mật nhà nước trên máy tính hoặc thiết bị khác đang kết nối với mạng máy tính (trừ mạng LAN độc lập), mạng Internet, mạng viễn thông, trừ trường hợp lưu giữ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về cơ yếu và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Làm lộ, chiếm đoạt, mua, bán bí mật nhà nước; làm sai lệch, hư hỏng, mất tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.

- Thu thập, trao đổi, cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước trái pháp luật; sao, chụp, lưu giữ, vận chuyển, giao, nhận, thu hồi, tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước trái pháp luật.

- Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ trái pháp luật.

- Lợi dụng, lạm dụng việc bảo vệ bí mật nhà nước, sử dụng bí mật nhà nước để thực hiện, che giấu hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp hoặc cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Truyền đưa bí mật nhà nước trên mạng máy tính (trừ mạng LAN độc lập), mạng Internet, mạng viễn thông trái với quy định của pháp luật về cơ yếu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Sử dụng máy tính, thiết bị khác để soạn thảo, lưu giữ tài liệu bí mật nhà nước khi chưa bảo đảm an ninh, an toàn, phòng, chống xâm phạm bí mật nhà nước.

- Sử dụng thiết bị có tính năng thu, phát tín hiệu, ghi âm, ghi hình trong hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước dưới mọi hình thức khi chưa được người có thẩm quyền cho phép.

- Sử dụng trí tuệ nhân tạo hoặc công nghệ mới để xâm phạm bí mật nhà nước; đăng tải bí mật nhà nước trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng tải, phát tán bí mật nhà nước trên mạng Internet, mạng viễn thông.

Luật Bảo vệ bí mật nhà nước có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2026.

**6. Ngày 10/12/2025, Quốc hội đã ban hành Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15**

Luật Quy hoạch áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, cung cấp thông tin, thực hiện, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Trong đó, tại khoản 1 Điều 5 quy định Hệ thống quy hoạch bao gồm:

- Quy hoạch cấp quốc gia, gồm: quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành;

- Quy hoạch vùng. Chính phủ xác định các vùng cần lập quy hoạch;

- Quy hoạch tỉnh;

- Quy hoạch chi tiết ngành;

- Quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định.

Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2026.

**7. Ngày 22/12/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 336/2025/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đường bộ**

Nghị định số 336/2025/NĐ-CP quy định về hành vi vi phạm hành chính; hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; đối tượng bị xử phạt; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh; thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính; việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả trong hoạt động đường bộ

thuộc lĩnh vực giao thông đường bộ. Theo đó, tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 336/2025/NĐ-CP quy định phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Không thực hiện công khai, niêm yết công khai tại trạm thu phí theo quy định;
- Tổ chức bán vé, soát vé không kịp thời, sách nhiễu đối với người mua vé; không bán đầy đủ hoặc hạn chế, giới hạn thời gian bán các loại vé tháng, vé quý theo quy định;
- Nhận tiền mặt của người sử dụng phương tiện giao thông đường bộ mà không giao vé hoặc giao vé không đúng chủng loại phương tiện lưu thông qua trạm thu phí;
- Không thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ để phương tiện giao thông đường bộ (đối tượng phải mua vé) không có vé đi qua trạm thu phí.

Nghị định số 336/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2026.

**8. Ngày 31/12/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 357/2025/NĐ-CP về xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản**

Tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 357/2025/NĐ-CP giải thích: Mã định danh điện tử sản phẩm bất động sản (bao gồm nhà ở và phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng) là chuỗi ký tự số và chữ tối đa không quá 40 ký tự được cấp riêng cho mỗi căn nhà (chung cư, riêng lẻ) hoặc bất động sản trong công trình xây dựng được quản lý trong hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và bất động sản. Trong đó, tại Điều 8 quy định mã định danh điện tử sản phẩm bất động sản là nhà ở như sau:

- Mã định danh điện tử sản phẩm bất động sản là nhà ở được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 357/2025/NĐ-CP gồm các nhóm trường thông tin:

- + Mã định danh thửa đất;
- + Mã số thông tin dự án, công trình xây dựng;
- + Mã định danh địa điểm (nếu có);
- + Dây ký tự tự nhiên.

- Mã định danh điện tử sản phẩm bất động sản là nhà ở được tạo lập tự động trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản và Sở Xây dựng thực hiện gắn thông tin mã định danh điện tử sản

phẩm bất động sản là nhà ở với các dự án phát triển nhà ở trên địa bàn cùng thời điểm ban hành văn bản thông báo về nhà ở đủ điều kiện bán nhà ở hình thành trong tương lai.

Nghị định số 357/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2026.

**9. Ngày 09/01/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 03/2026/NĐ-CP về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện**

Theo đó, tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 03/2026/NĐ-CP quy định nghĩa vụ của quỹ xã hội, quỹ từ thiện như sau:

- Quỹ hoạt động trong lĩnh vực nào thì phải chịu sự quản lý của cơ quan nhà nước về ngành, lĩnh vực đó. Quỹ thực hiện việc tài trợ, hỗ trợ trong phạm vi hoạt động theo điều lệ, trừ trường hợp quỹ tham gia tài trợ, hỗ trợ nhân dân khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố nghiêm trọng, khẩn cấp theo quy định pháp luật;

- Thực hiện tài trợ đúng theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức đã ủy quyền phù hợp với tôn chỉ, mục đích của quỹ;

- Quỹ được thành lập từ các nguồn tài sản hiến, tặng cho hoặc theo di chúc mà không tổ chức quyên góp và nhận tài trợ thì hàng năm phải dành tối thiểu 5% tổng số tài sản để tài trợ cho các chương trình, dự án phù hợp với tôn chỉ, mục đích hoạt động của quỹ;

- Lưu trữ và có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, các chứng từ, tài liệu về tài sản, tài chính của quỹ, nghị quyết, biên bản về các hoạt động của quỹ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

- Sử dụng tài sản, tài chính tiết kiệm và hiệu quả theo đúng tôn chỉ, mục đích của quỹ; nộp thuế, phí, lệ phí và thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê theo quy định của pháp luật; phải đăng ký mã số thuế và kê khai thuế theo quy định của pháp luật về thuế;

- Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước; giám sát của các tổ chức, cá nhân tài trợ và cộng đồng theo quy định của pháp luật. Có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ, báo cáo kết quả giải quyết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Hàng năm, quỹ có trách nhiệm công khai các khoản đóng góp, tài sản đã tiếp nhận và kết quả sử dụng trên phương tiện thông tin đại chúng trước ngày 31 tháng 3;

- Khi thay đổi trụ sở chính hoặc Giám đốc, quỹ phải báo cáo bằng văn bản với cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập quỹ...

Nghị định số 03/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2026.

**10. Ngày 02/02/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 51/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2026/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo**

Theo đó, tại Điều 3 Nghị định số 51/2026/NĐ-CP bổ sung Điều 7a vào sau Điều 7 quy định về xóa hoặc miễn chi phí bồi hoàn như sau:

- Xóa chi phí bồi hoàn trong trường hợp người học đã chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết theo quy định của pháp luật.

- Miễn chi phí bồi hoàn một trong các trường hợp sau:

+ Người học được cơ sở y tế có thẩm quyền xác nhận không đủ sức khỏe để làm việc;

+ Người học chấp hành nghĩa vụ làm việc chưa đủ thời gian theo quy định nhưng sau đó được cơ quan có thẩm quyền quyết định điều động, luân chuyển, biệt phái hoặc chuyển công tác đến vị trí khác;

+ Người học do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng nên không thể chấp hành sự điều động làm việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định việc bồi hoàn xem xét, quyết định việc miễn chi phí bồi hoàn đối với trường hợp này.

Nghị định số 51/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 26/3/2026.

**11. Ngày 29/01/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 47/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu và giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính**

Theo đó, tại Điều 4 Nghị định số 47/2026/NĐ-CP bổ sung Điều 17a vào sau Điều 17 quy định về xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong trường hợp không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp như sau:

- Xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính để tổ chức bán

ngay (bán trực tiếp, không thông qua đấu giá) đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm nếu không xử lý ngay thì sau khi có quyết định tịch thu hàng hóa, vật phẩm đó có khả năng bị hư hỏng, suy giảm chất lượng bao gồm: thực phẩm tươi sống, dễ bị ôi thiu, khó bảo quản; thuốc chữa bệnh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật mà hạn sử dụng còn dưới 60 ngày theo hạn ghi trên bao bì, nhãn hàng; thực phẩm đã qua chế biến và các loại hàng hóa, vật phẩm khác mà hạn sử dụng còn dưới 30 ngày theo hạn ghi trên bao bì, nhãn hàng; hàng hóa có tính chất thời vụ (hàng tiêu dùng theo mùa, phục vụ lễ, tết), hàng điện tử và các loại hàng hóa, vật phẩm khác do đặc tính tự nhiên, điều kiện bảo quản nếu không xử lý ngay thì sau khi có quyết định tịch thu có khả năng bị hư hỏng, suy giảm chất lượng.

Giá bán hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng, suy giảm chất lượng do người hoặc cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện quyết định dựa trên căn cứ xác định giá theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính hoặc phối hợp với cơ quan tài chính tại địa bàn xảy ra hành vi vi phạm để xác định giá bán của hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng, suy giảm chất lượng.

Việc bán hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng, suy giảm chất lượng phải được lập thành biên bản gồm các nội dung cơ bản sau: thời gian, địa điểm bán; tên, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, số lượng, hiện trạng của hàng hóa, vật phẩm tại thời điểm bán; giá bán; người mua và các nội dung khác có liên quan.

- Xử lý theo quy định tại khoản 5 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính để tiêu hủy đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại điểm c khoản 4 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính có nguy cơ gây cháy nổ, ô nhiễm môi trường hoặc ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng trong quá trình quản lý, bảo quản, cụ thể:

+ Người hoặc cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ thành lập Hội đồng tiêu hủy để tổ chức tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm. Hội đồng tiêu hủy do người hoặc đại diện cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ làm Chủ tịch, các thành viên khác gồm: đại diện cơ quan tài chính

cùng cấp hoặc cơ quan tài chính tại địa bàn xảy ra hành vi vi phạm; đại diện cơ quan, đơn vị đang quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện; đại diện cơ quan chuyên môn liên quan do Chủ tịch Hội đồng tiêu hủy quyết định;

+ Hình thức tiêu hủy và tổ chức thực hiện:

Tùy thuộc vào tính chất, đặc điểm của hàng hóa, vật phẩm và yêu cầu đảm bảo vệ sinh môi trường, người hoặc cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ quyết định việc tiêu hủy theo một trong các hình thức sau: sử dụng hóa chất; sử dụng biện pháp cơ học; hủy đốt; hủy chôn; hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Việc tiêu hủy phải được lập thành biên bản có đầy đủ chữ ký của các thành viên Hội đồng tiêu hủy. Nội dung chủ yếu của biên bản gồm: căn cứ, lý do thực hiện tiêu hủy; thời gian, địa điểm tiêu hủy; thành viên tham gia tiêu hủy; tên, chủng loại, số lượng, hiện trạng của hàng hóa, vật phẩm tại thời điểm tiêu hủy; hình thức tiêu hủy và các nội dung khác có liên quan.

Nghị định số 47/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2026.

**12. Ngày 13/02/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 58/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu; quản lý, sử dụng pháo; quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú, Luật Căn cước**

Theo đó, tại khoản 7 Điều 3 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 Nghị định số 137/2020/NĐ-CP quy định về quản lý, sử dụng pháo đã được sửa đổi, bổ sung năm 2023 như sau: Bộ trưởng Bộ Công an quyết định tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Công an được phép nghiên cứu, sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, cung cấp pháo hoa nổ; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng được phép nghiên cứu, sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, cung cấp pháo hoa nổ. Việc cung cấp cho các cơ quan, tổ chức được phép sử dụng pháo hoa nổ chỉ được thực hiện trong các trường hợp quy định tại Điều 11 Nghị định số 58/2026/NĐ-CP.

Nghị định số 58/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2026.

**13. Ngày 31/12/2025, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 146/2025/TT-BTC quy định chế độ, lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí đào tạo du học sinh Việt Nam ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước**

Theo đó, đối tượng áp dụng của Thông tư số 146/2025/TT-BTC bao gồm: Du học sinh được cử đi học, đào tạo, bồi dưỡng trong khuôn khổ hiệp định, thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ nước ngoài; Du học sinh được cử đi học, đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài theo các chương trình, đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực ở nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Cơ quan cử du học sinh đi học, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện các chương trình, đề án đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Về chi đào tạo trong nước, tại Điều 4 Thông tư số 146/2025/TT-BTC quy định:

- Học phí và các khoản liên quan đến học phí phải trả cho cơ sở đào tạo tại Việt Nam trong trường hợp khóa học có phần thời gian đào tạo, bồi dưỡng tại Việt Nam được chi bằng đồng Việt Nam theo quy định về học phí.

- Mức chi tối đa đối với các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này tương đương 3.500 USD/năm học (ba nghìn năm trăm đô la Mỹ) cho một nghiên cứu sinh trình độ tiến sĩ; 3.000 USD/năm học (ba nghìn đô la Mỹ) cho một học viên đào tạo trình độ thạc sĩ; 2.500 USD/năm học (hai nghìn năm trăm đô la Mỹ) cho một sinh viên đào tạo trình độ đại học theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định hàng tháng.

- Trong mức chi tối đa quy định tại khoản 2 Điều 4 bao gồm khoản chi hỗ trợ người học trong thời gian học tập tại Việt Nam với mức hỗ trợ như sau:

+ Đào tạo trình độ tiến sĩ: 1.050.000 đồng Việt Nam/1 người/1 tháng;

+ Đào tạo trình độ thạc sĩ: 900.000 đồng Việt Nam/1 người/1 tháng;

+ Đào tạo trình độ đại học: 750.000 đồng Việt Nam/1 người/1 tháng.

Thông tư số 146/2025/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 01/03/2026.

**Phòng PBGDPL&TDTHPL**



## Mừng cuộc bầu cử thành công

Mừng cuộc bầu cử thành công  
Lòng dân phấn khởi, đồng lòng tiến lên  
Non sông hào khí vững bền  
Kỷ nguyên rạng rỡ xây nên cơ đồ  
Vâng theo lời dạy Bác Hồ  
Làm cho rạng rỡ cơ đồ Việt Nam  
Mừng cho đất nước sang trang  
Vinh quang con cháu vững vàng tiến lên

LÊ HUẤN

## Xây dựng đất nước ngày càng đẹp hơn

Đại biểu do dân bầu ra  
Cử tri lựa chọn tinh hoa cho đời  
Gần dân để hiểu dân hơn  
Xây nên sự nghiệp cuộc đời đẹp sao  
Trước quốc dân, trước đồng bào  
Nâng cao trách nhiệm vui nào vui hơn  
Nhiệm kỳ mới mang nhiều khởi sắc  
Đất nước ta vui sắc cờ bay  
Kỷ nguyên mới vững chắc tay  
Xây dựng đất nước ngày càng đẹp hơn.

LÊ HUẤN

## Tiến con nhận ngũ

Sáng xuân này, con là lính hải quân  
Áo mũ trang nghiêm, biểu trưng sóng quỳện  
Trong đoàn quân hiên ngang dũng tiến  
Làm nghĩa vụ thiêng liêng, đời trai trẻ,  
thanh niên

Con sẽ ra nơi đầu sóng tiền duyên  
Canh giữ biển trời, quê hương, hải đảo  
Dòng dõi Lạc Long Quân can trường,  
tiết tháo  
Xây, giữ non sông cường thịnh mạnh giàu

Tổ quốc mình Móng Cái đến Cà Mau  
Rừng và biển ngút ngàn xanh tha thiết  
Bao lớp người đã nối nhau mãi miết  
Giữ chủ quyền từng tấc đất, đảo xa

Ba đã từng đồng đội xông pha  
Làm lính Trường Sơn vì miền Nam  
giải phóng

Để hôm nay trên đài cao lồng lộng  
Tổ quốc mình rạng rỡ ánh cờ bay

Chung khúc quân hành con cảm sủng  
hôm nay

Giữ biển đảo với tràn đầy sức trẻ  
Con đi nhé! Viết tiếp trang sử đỏ  
Cho sáng danh thế hệ Hồ Chí Minh.

HỒ NGỌC DIỆP

**Đồng chí Nguyễn Thanh Tú, Thứ trưởng Bộ Tư pháp và đoàn công tác của Sở Tư pháp Quảng Trị dâng hoa, dâng hương tưởng niệm tại Khu di tích Hang Tám Cô, Hang Y tá và Tượng đài Thanh niên xung phong chống Mỹ cứu nước**

Ngày 21/02/2026, đồng chí Nguyễn Thanh Tú, Thứ trưởng Bộ Tư pháp và đoàn công tác của Sở Tư pháp do đồng chí Trần Chí Tiến, Tỉnh uỷ viên, Bí thư Đảng uỷ, Giám đốc Sở làm trưởng đoàn đã đến dâng hoa, dâng hương, tri ân các anh hùng liệt sĩ tại Hang Tám Cô, Hang Y tá và Tượng đài Thanh niên xung phong (TNXP) chống Mỹ cứu nước.

Hang Tám Cô là di tích lịch sử gắn liền với sự hy sinh anh dũng của 8 thanh niên xung phong trong chiến tranh kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Hang Tám Cô nằm trên con Đường 20 - Quyết Thắng nay là đường tỉnh 562. Đây là con đường huyết mạch chiến lược hết sức quan trọng trong công tác vận tải chi viện vào chiến trường Miền Nam. Nơi đây hàng ngàn, hàng vạn cán bộ, bộ đội, thanh niên xung phong, công nhân, dân công hoả tuyến, đồng bào các dân tộc đã không quản ngại hy sinh, anh dũng chiến đấu, đào đắp, phá núi mở đường phục vụ cho nhiệm vụ vận chuyển vũ khí và hàng hóa vào chiến trường miền Nam.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Hang Y tá tại Km 18 là một trong những tọa độ lửa trên đường 20 - Quyết Thắng. Nơi đây, từ năm 1966 đến năm 1973, không quân Mỹ đã tập trung đánh phá cực kỳ khốc liệt. Đại đội 211- TNXP đã kiên cường bám trụ, chiến đấu hy sinh quên mình, đảm bảo thông suốt mạch máu giao thông, chi viện kịp thời sức người, sức của cho các chiến trường, đánh thắng kẻ thù xâm lược, thống nhất đất nước. Tại hang này, ngày 20/6/1972 đã chứng kiến sự hy sinh anh dũng của nữ liệt sĩ Nguyễn Thị Sặng, quê ở phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa.

Tượng đài TNXP chống Mỹ cứu nước là công trình được xây dựng nhằm tôn vinh chiến công của lực lượng TNXP trong cuộc kháng chiến chống Mỹ trên tuyến đường Hồ Chí Minh huyền thoại. Trong chiến tranh ác liệt với tinh thần “đánh địch mà đi, mở đường mà tiến”, “sống bám đường, chết kiên cường dũng cảm”, các lực lượng trên đường 20

Quyết thắng đã không quản ngại gian khổ, hy sinh, bất chấp mưa bom, bão đạn, làm nên những chiến công kỳ diệu, góp phần vào chiến thắng vẻ vang trên chiến trường miền Nam. Hàng nghìn chiến sĩ, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến, công nhân giao thông đã anh dũng hy sinh trên tuyến đường huyền thoại này. Trong đó, có 13 liệt sĩ là thanh niên xung phong và chiến sĩ pháo binh hy sinh ngày 14.11.1972, khi đang làm nhiệm vụ bảo đảm giao thông tại đường 20 Quyết thắng, xã Tân Trạch, huyện Bố Trạch. Lịch sử đã ghi lại sự hy sinh của các liệt sĩ vô cùng bi tráng, oanh liệt và đầy xúc động, tự hào! Chiến công, sự hy sinh anh dũng của các anh, các chị - những người “xé dọc Trường Sơn đi cứu nước” đã trở thành biểu tượng thiêng liêng, bất tử của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, cho khát vọng hòa bình, độc lập của dân tộc Việt Nam. Chiến tranh đã lùi xa song những chiến công và sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ trên đường 20 Quyết thắng vẫn còn sống mãi với non sông, với thời gian.

Tại Hang Tám Cô, Hang Y tá và Tượng đài Thanh niên xung phong chống Mỹ cứu nước, đồng chí Nguyễn Thanh Tú, Thứ trưởng Bộ Tư pháp, đồng chí Trần Chí Tiến, Tỉnh uỷ viên, Bí thư Đảng uỷ, Giám đốc Sở Tư pháp và đoàn công tác đã dâng hoa, dâng hương, tưởng niệm, bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với các anh hùng, liệt sĩ đã dũng cảm chiến đấu, hy sinh quên mình vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và độc lập tự do của Tổ quốc. Đây là hoạt động hết sức ý nghĩa nhằm giáo dục công chức, viên chức, người lao động ngành Tư pháp truyền thống “uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây”, tạo động lực để hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao trong thời gian tới.

**Khối thi đua các cơ quan tổng hợp, văn hóa - xã hội tỉnh Quảng Trị: Tổng kết công tác thi đua khen thưởng năm 2025**

Ngày 10/3/2026, Khối thi đua các cơ quan tổng hợp, văn hóa - xã hội tỉnh Quảng Trị tổ chức Hội nghị tổng kết công tác thi đua khen thưởng năm 2025 và ký giao ước thi đua năm 2026.

Khối thi đua các cơ quan tổng hợp, văn hóa - xã hội hiện có 11 đơn vị thành viên. Năm 2025, với nhiều giải pháp đổi mới, sáng tạo trong tổ

chức và triển khai thực hiện nên các phong trào thi đua của khối đã tạo khí thế thi đua sôi nổi trong từng cơ quan, đơn vị, trở thành động lực quan trọng góp phần hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ chính trị được giao.

Với tư cách là đơn vị trưởng khối, Sở Tư pháp đã thể hiện rõ vai trò chủ động trong việc đổi mới phương thức tổ chức, điều hành, giúp các phong trào thi đua không chỉ dừng lại ở khẩu hiệu mà trở thành động lực tự thân của từng công chức, viên chức, người lao động. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, các đơn vị thành viên đã chủ động xây dựng kế hoạch, cụ thể hóa nội dung thi đua phù hợp với thực tiễn, gắn với nhiệm vụ chuyên môn và đã đạt được những kết quả tích cực. Nổi bật là việc triển khai quyết liệt phong trào thi đua thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm (2021-2025) theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII. Đặc biệt, việc cụ thể hóa các hoạt động thi đua chào mừng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV đã tạo nên không khí làm việc sôi nổi, trách nhiệm trong toàn khối, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành các chỉ tiêu chuyên môn của từng đơn vị.

Bên cạnh nhiệm vụ chính trị, các cơ quan còn ghi dấu ấn đậm nét qua các phong trào mang tính nhân văn sâu sắc như “Chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau” và chiến dịch “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát”. Việc đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao văn hóa công sở cũng được thực hiện đồng bộ, góp phần xây dựng hình ảnh đội ngũ cán bộ công chức tỉnh Quảng Trị chuyên nghiệp, tận tâm. Công tác khen thưởng trong năm qua cũng được Sở Tư pháp và các đơn vị thành viên chú trọng thực hiện theo hướng khách quan, kịp thời, ưu tiên vinh danh các điển hình tiên tiến từ cơ sở, từ đó tạo sức lan tỏa sâu rộng về gương “người tốt, việc tốt” trong cộng đồng.

Năm 2026, Khối thi đua các cơ quan tổng hợp, văn hóa - xã hội tiếp tục phát động và triển khai hiệu quả các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương và của tỉnh phát động. Đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức,

viên chức và người lao động tích cực hưởng ứng, qua đó nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của mỗi cơ quan, đơn vị.

Tại Hội nghị, 11 đơn vị thành viên Khối thi đua các cơ quan tổng hợp, văn hóa-xã hội tỉnh đã tổ chức bình xét, suy tôn đơn vị tiêu biểu. Theo đó, đã thống nhất đề nghị UBND tỉnh tặng Cờ thi đua cho Sở Nội vụ và Bằng khen cho Sở Khoa học và Công nghệ Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh vì đã có thành tích xuất sắc trong năm 2025.

Tại hội nghị, các đơn vị đã tiến hành ký kết giao ước thi đua năm 2026 với niềm tin về một năm bút phá, tạo tiền đề vững chắc để bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc và bầu Sở Ngoại vụ làm Trưởng khối, Sở Dân tộc và Tôn giáo làm Phó trưởng Khối thi đua các cơ quan tổng hợp, văn hóa - xã hội năm 2026.

**Phòng PBGDPL&TĐTHPL**

**Hoạt động truyền thông và tư vấn pháp luật cho thanh thiếu niên, nhân kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931 - 26/3/2026).**

Nhân kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931 - 26/3/2026), ngày 06/3/2026, Chi đoàn cơ sở Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị đã phối hợp với Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 2, Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh và Trường THCS&THPT xã Cửa Việt đã tổ chức Hội nghị truyền thông và tư vấn pháp luật cho thanh thiếu niên tại Trường THCS&THPT xã Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị.

Tham dự Hội nghị có Lãnh đạo, Trưởng các đơn vị phối hợp và các em học sinh của Trường THCS&THPT xã Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị. Tại Hội nghị, các em đã được lắng nghe các đồng chí Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 2 truyền thông và tư vấn pháp luật về Luật Trợ giúp pháp lý và các chuyên đề pháp luật liên quan đến Luật Trẻ em, các quy định về bảo vệ trẻ em, phòng chống xâm hại trẻ em; Pháp luật về phòng, chống ma túy và một số quy định cơ bản của pháp luật Hình sự đối với người dưới 18 tuổi. Cùng với đó, các em còn được tham gia trò chơi câu hỏi, bày tỏ

quan điểm nhận thức và biết đến dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí, về trách nhiệm của bản thân trong việc chấp hành các quy định pháp luật về phòng, chống ma túy và phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật trong lứa tuổi thanh thiếu niên.

Nhân dịp này, Chi đoàn cơ sở Sở Tư pháp đã trao 05 phần quà hỗ trợ cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhưng luôn nỗ lực vươn lên trong học tập, mỗi phần quà trị giá 200.000 đồng. Những món quà tuy nhỏ nhưng mang lại ý nghĩa động viên tinh thần, thể hiện sự quan tâm, đồng hành của cộng đồng xã hội đối với các em học sinh.

Hoạt động được Chi đoàn duy trì tổ chức thường xuyên, có ý nghĩa thiết thực góp phần nâng cao nhận thức pháp luật, hình thành lối sống lành mạnh, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội cho các em học sinh. Thông qua hoạt động, đoàn viên, thanh niên phát huy tinh thần xung kích, tình nguyện vì cộng đồng, tạo điều kiện để mỗi đoàn viên phát huy năng lực, sở trường trong công tác; nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đóng góp trong công tác chăm sóc, bảo vệ, giáo dục thiếu niên, nhi đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**KIỀU ĐỒNG**

**Phường Đồng Sơn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031**

Xác định được ý nghĩa, vai trò quan trọng đó, với sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Đảng ủy, chính quyền phường Đồng Sơn công tác tuyên truyền được triển khai bài bản, với hình thức đa dạng, kết hợp giữa tuyên truyền trực quan, tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh phường, bằng xe lưu động, với tuyên truyền qua các hội nghị và sinh hoạt định kỳ; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới, đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật như tuyên truyền trên kênh Zalo, Facebook để làm lan tỏa hơn những thông tin về cuộc bầu cử lần này... Ngoài ra còn có các hoạt động tuyên truyền khác như tuyên truyền bằng khẩu hiệu trên

màn hình LED, pano, áp phích tại các nhà văn hóa, điểm đồng dân cư. Bên cạnh đó, Văn phòng HĐND và UBND phường triển khai tuyên truyền bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, kịp thời, rộng khắp, hiệu quả sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và các tầng lớp Nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của cuộc bầu cử; quyền, nghĩa vụ của công dân trong bầu cử; quy định của pháp luật về quy trình, thủ tục bầu cử. Trong đó, tập trung các nội dung tuyên truyền về các quy định mới của Luật Bầu cử, Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Với việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 sẽ thực sự trở thành ngày hội lớn của toàn dân.

Từ những kết quả đạt được trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bầu cử, phường Đồng Sơn rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

*Một là*, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền phường trong việc thực hiện quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch, hướng dẫn của cấp trên; kịp thời xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về bầu cử, trong đó, nêu rõ mục tiêu, yêu cầu, nội dung, chương trình, đối tượng, biện pháp, thời gian hoàn thành sát với đặc điểm, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

*Hai là*, trong thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, đổi mới nội dung, phương thức tiến hành, coi trọng các phương pháp truyền thống, đồng thời hiện đại hóa phương tiện, trang thiết bị phục vụ hoạt động của tuyên truyền, phổ biến nhằm thu hút sự quan tâm của người dân.

*Ba là*, phát huy vai trò của đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật phường nhằm góp phần chuyển tải các quy định của pháp luật về bầu cử đến với mỗi một người dân.

*Bốn là*, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bầu cử có sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị, đoàn thể trên địa bàn phường để tạo nên sức mạnh tổng hợp, góp phần thành công của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

**THU THỦY**

## Đơn giản vì không hiểu

Diễn viên hài tới thăm người bạn họa sĩ trường phái ấn tượng. Thấy ông đứng trầm ngâm trước một bức tranh, họa sĩ hỏi:

- Anh có hiểu tôi vẽ gì không?

Khách trả lời khe khẽ như tự nói với mình:

- Một người phụ nữ.

- Đúng thế! Tôi diễn tả một người phụ nữ bằng hình khối và màu sắc. Khả năng cảm nhận hội họa của anh thật đáng khâm phục!

- Có gì đâu! Mỗi khi có điều gì không thể hiểu nổi là tôi nghĩ ngay đến phụ nữ!

## Vừa bán vừa biếu

- Một bà bán hàng nổi tiếng bán đất. Một hôm, có người nông dân vào mua hàng, bà nói ngọt ngào: "Tôi vừa bán vừa biếu ông đấy".

- Người nông dân chẳng phải tay vừa, ông nói: "Cảm ơn bà, tôi xin nhận một nửa là số hàng biếu, nửa còn lại bà cất giùm, ngày mai tôi mang tiền đến lấy sau".

## Gửi hóa đơn

Hai người bạn là bác sĩ và luật sư ngồi nói chuyện. Câu chuyện liên tục bị gián đoạn bởi những cú điện thoại nhờ hướng dẫn uống thuốc, đo huyết áp... Rất bực mình, ông bác sĩ hỏi luật sư:

- Ông làm cách nào để người khác không nhờ ông hướng dẫn miễn phí về luật pháp?

- Đơn giản thôi. Tôi cũng hướng dẫn như bình thường sau đó gửi hóa đơn đến cho họ.

Bác sĩ không thích cách làm như vậy lắm nhưng nghĩ là sẽ cố gắng thử. Một ngày nọ, lúc ông ta đang chuẩn bị gửi hóa đơn cho các khách hàng của mình thì nhận được hóa đơn của vị luật sư.

## Biết viết nhưng không biết đọc

Người cai tù hỏi tù nhân Maritnez.

- Anh có biết đọc và viết không?

- Tôi biết viết nhưng không biết đọc.

- Hãy viết tên anh vào đây!

- Maritnez viết nguệch ngoạc vài chữ rất

to rồi đưa cho người cai tù.

- Anh viết cái gì thế này?

- Tôi không biết. Tôi đã nói với anh là tôi không biết đọc mà.

## Tin nhắn tình yêu

Có một chàng trai yêu đơn phương một cô gái nhưng không dám nói ra.

Một ngày kia, lấy hết can đảm, chàng soạn một tin nhắn tỏ tình và nhấn gửi lúc 01h sáng. Tin nhắn trả lời đến ngay sau đó, nhưng chàng trai quyết định để ngày hôm sau sẽ đọc.

Sáng hôm sau, chàng trai mở tin nhắn lên: "Tài khoản của quý khách không đủ để gửi tin nhắn, xin vui lòng nạp thêm".

**Phòng PBGDPL&TDTHPL (Sưu tầm)**



Các đơn vị Khối thi đua các cơ quan tổng hợp, văn hóa - xã hội tỉnh Quảng Trị ký kết giao ước thi đua năm 2026

Chi đoàn cơ sở Sở Tư pháp phối hợp với Chi đoàn cơ sở Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh và Đoàn Thanh niên Phòng PC04, Công an tỉnh tổ chức hoạt động tuyên truyền pháp luật về "Phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên" năm 2026



Ban Tổ chức trao giải Nhất hạng mục hát song ca, tam ca, tốp ca có múa phụ họa cho Đội thi của Cụm đoàn số 01 (gồm Chi đoàn: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Ngoại vụ, Cơ quan Đảng ủy UBND tỉnh và Cục Thống kê tỉnh Quảng Trị) tại Hội thi văn nghệ do Đoàn TNCS Hồ Chí Minh UBND tỉnh tổ chức với chủ đề "Tuổi trẻ tự hào - Khát vọng công hiến"

Chi đoàn cơ sở Sở Tư pháp trao quà cho các em học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn luôn nỗ lực vươn lên trong học tập của Trường THCS&THPT xã Cửa Việt



# HOẠT ĐỘNG TRI ÂN CÁC ANH HÙNG LIỆT SĨ CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN THANH TÚ, THỨ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP VÀ ĐOÀN CÔNG TÁC CỦA SỞ TƯ PHÁP QUẢNG TRỊ



Đồng chí Nguyễn Thanh Tú,  
Thứ trưởng Bộ Tư pháp  
dâng hoa tại hang Tám Cô



Đồng chí Trần Chí Tiến, Tỉnh ủy viên,  
Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Sở cùng đoàn  
công tác dâng hoa, dâng hương  
tại hang Tám Cô



Đồng chí Trần Chí Tiến, Tỉnh ủy viên,  
Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Sở  
cùng đoàn công tác dâng hoa,  
dâng hương tại hang Y tá

Đồng chí Nguyễn Thanh Tú,  
Thứ trưởng Bộ Tư pháp  
và đồng chí Trần Chí Tiến,  
Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy,  
Giám đốc Sở cùng đoàn  
công tác dâng hoa,  
dâng hương tại Tượng đài  
TNXP chống Mỹ cứu nước

